



Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH VÀ KIẾN NGHỊ CỦA
CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP

[Phục vụ Hội nghị Thủ tướng gặp gỡ cộng đồng doanh nghiệp]

Hà Nội, tháng 9/2021

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO (*)
TÌNH HÌNH VÀ KIẾN NGHỊ CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP

*(Lưu hành nội bộ, phục vụ Hội nghị Thủ tướng gặp gỡ
cộng đồng doanh nghiệp – tháng 9/2021)*

() Báo cáo tình hình và kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp được xây dựng trên cơ sở tổng hợp ý kiến đề xuất, kiến nghị của 64 hiệp hội doanh nghiệp, hàng trăm doanh nghiệp với gần 400 trang văn bản, gần 200 kiến nghị cụ thể; từ các báo cáo khảo sát và nghiên cứu của VCCI; từ công cụ tiếp nhận kiến nghị doanh nghiệp qua nền tảng tương tác trực tuyến VCCI-Workplace của Hội đồng Hợp tác Doanh nghiệp ứng phó đại dịch Covid-19 của VCCI. Đây là tài liệu "LƯU HÀNH NỘI BỘ". Đề nghị các cơ quan, đơn vị, báo chí khi sử dụng các nội dung và số liệu nêu trong báo cáo cần xin phép VCCI.*

I. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 TỚI NỀN KINH TẾ VÀ DOANH NGHIỆP**1. Tình hình kinh tế và doanh nghiệp 8 tháng đầu năm 2021**

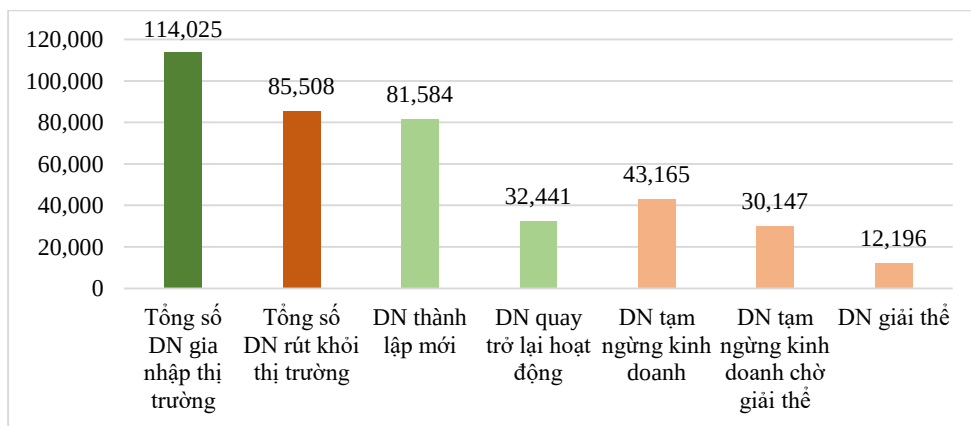
Với đợt bùng phát dịch lần thứ 4 mạnh mẽ, có tác động nghiêm trọng đến nền kinh tế, thể hiện qua ***một số chỉ số mang tính trụ cột của nền kinh tế như sản xuất công nghiệp, tổng mức bán lẻ... bị giảm mạnh***. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8/2021 giảm 4,2% so với tháng trước và giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,6% so với 8 tháng năm 2020. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 8 giảm 10,5% so với tháng trước và giảm 33,7% so với cùng kỳ năm trước. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 8/2021 ước tính đạt 53,7 tỷ USD, giảm 5,8% so với tháng trước. Vận tải hành khách tháng 8 giảm 35,9% về lượng hành khách vận chuyển và giảm 37,1% về

lượng hành khách luân chuyển so với tháng trước; vận tải hàng hóa giảm 11% về sản lượng vận chuyển và giảm 8,6% về sản lượng luân chuyển. Khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 8/2021 đạt 9,3 nghìn lượt người, giảm 43% so với cùng kỳ năm trước.

Sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (DN) thuộc nhiều ngành kinh tế đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng, chẳng hạn như: (i) Với các DN chế biến và xuất khẩu thủy sản, hiện nay chỉ có khoảng 30% DN của ngành này tại các tỉnh thành phía Nam còn hoạt động nhờ đảm bảo được điều kiện “3 tại chỗ”, nhưng cũng vô cùng khó khăn để duy trì sản xuất vì chi phí tăng vọt và chỉ có thể huy động 30-50% số lượng lao động, đặc biệt, công suất sản xuất trung bình đã giảm chỉ còn 40-50% so với trước đây (Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam-VASEP); (ii) Với các DN ngành Gỗ, đã có trên 50% DN ngành này tại khu vực Đông Nam Bộ dừng sản xuất và đang đối diện nguy cơ phá sản (Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam-Vifores); ... Theo phản ánh từ các hiệp hội doanh nghiệp (HHDN) ở các ngành hàng liên quan đến xuất khẩu và sử dụng nhiều lao động, chỉ có từ 15-20% các nhà máy sản xuất cầm chừng được theo “3 tại chỗ”, còn lại đến 80-85% số nhà máy phải ngừng ngừng sản xuất.

Số DN gia nhập và rút khỏi thị trường trong 8 tháng năm 2021

Đơn vị: DN



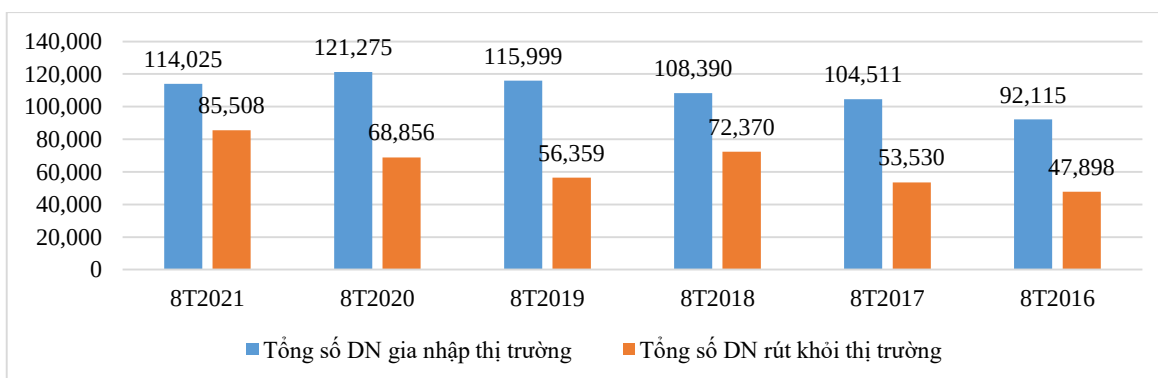
Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021)

Số doanh nghiệp gia nhập thị trường giảm mạnh, trong khi số rút khỏi thị trường tăng cao. Trong 8 tháng năm 2021, cả nước có 114.025 DN gia nhập thị trường, giảm 7,25% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó: số doanh nghiệp thành lập mới là 81.584 doanh nghiệp, giảm 7,97%; số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 32.441 doanh nghiệp, giảm 5,61%. Cùng

với sự suy giảm số doanh nghiệp thành lập mới, vốn và lao động đăng ký trong các doanh nghiệp thành lập mới cũng sụt giảm so với cùng kỳ năm 2020, lần lượt giảm 7,50% và 13,81%. Cũng trong 8 tháng năm nay, cũng có 85.508 DN rút khỏi thị trường (trung bình mỗi tháng có 10.688 doanh nghiệp), tăng 24,18% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó: có 43.165 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, tăng 25,89%; 30.147 doanh nghiệp tạm ngừng chờ giải thể, tăng gần 24,50%; và 12.196 doanh nghiệp đã giải thể, tăng 17,81%. Như vậy, số doanh nghiệp thành lập mới trong 8 tháng năm 2021 ít hơn số doanh nghiệp rút khỏi thị trường.

Tuy nhiên, theo Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, các số liệu này có thể chưa phản ánh được thực sự số doanh nghiệp thực tế rút lui khỏi thị trường, bởi lẽ, trong điều kiện nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội, các doanh nghiệp mặc dù đã ngừng hoạt động nhưng không thể thực hiện các thủ tục liên quan đến việc rút lui khỏi thị trường và nhiều doanh nghiệp chỉ ngừng rất ngắn hạn khi thực hiện giãn cách xã hội (1 - 2 tháng) nên không làm thủ tục tạm ngừng kinh doanh. Điều này cho thấy số lượng doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng bởi Covid-19 có thể lên đến con số trăm nghìn. Và điều quan trọng hơn nữa là đằng sau mỗi doanh nghiệp phải ngừng hoạt động, đóng cửa là sinh kế của hàng trăm, hàng ngàn người lao động và gia đình của họ bị ảnh hưởng vì không có thu nhập. Ngoài ra, những phân tích trên về tình hình doanh nghiệp gia nhập và rút khỏi thị trường trong 8 tháng đầu năm 2021 được so sánh với cùng kỳ năm 2020, thời điểm mà Việt Nam cũng đã chịu những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 (mức so sánh đã ở mức thấp), chính vì vậy mà việc tỷ lệ doanh nghiệp gia nhập thị trường giảm và tỷ lệ doanh nghiệp rút khỏi thị trường tăng càng cho thấy những tác động rất tiêu cực của đại dịch đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

So sánh số doanh nghiệp gia nhập và rút khỏi thị trường 8 tháng các năm 2016-2021



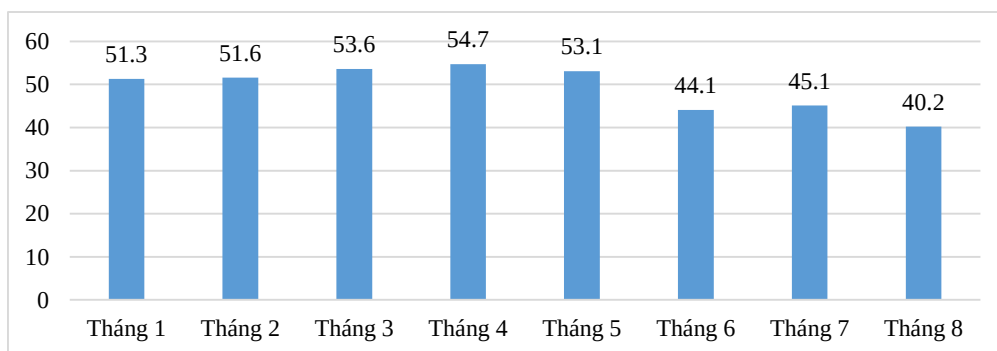
Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tình hình sản xuất kinh doanh của ngành sản xuất Việt Nam nói chung, phần nào được phản ánh thông qua chỉ số Nhà quản trị mua hàng ngành sản xuất (PMI). Theo đó, sau bốn tháng đầu năm 2021, PMI của Việt Nam liên tục được cải thiện, với mức cải thiện tháng sau mạnh hơn so với tháng trước, thì đến tháng 5/2021, dù vẫn giữ đà nhưng mức cải thiện đã yếu hơn so với tháng 4/2021.

Đến tháng 6/2021, PMI giảm mạnh chỉ còn 44,1 điểm, cho thấy các điều kiện kinh doanh suy giảm mạnh nhất trong hơn một năm, đồng thời kết thúc thời kỳ tăng kéo dài sáu tháng (từ tháng 12/2020). Đại dịch Covid-19, các biện pháp phong tỏa và tình trạng đóng cửa doanh nghiệp tạm thời là những nhân tố làm giảm mạnh cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới trong tháng 6/2021. Tình trạng suy thoái trong lĩnh vực sản xuất của Việt Nam trầm trọng hơn trong tháng 8/2021 khi bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát ở mức độ tồi tệ nhất kể từ khi đại dịch bắt đầu, PMI giảm còn 40,2 điểm (các điều kiện kinh doanh giảm ba tháng liên tiếp), cho thấy sức khỏe của ngành sản xuất suy giảm mạnh nhất kể từ tháng 4/2020. (IHS Markit).

PMI ngành sản xuất Việt Nam các tháng năm 2021

Đơn vị: %



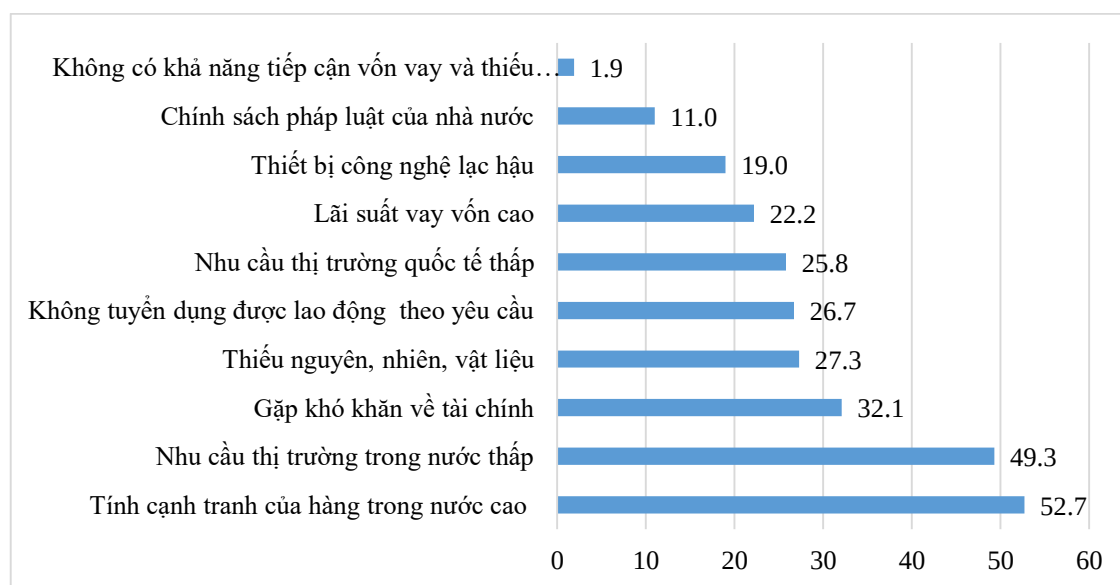
Nguồn: IHS Markit (2021)

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là một điểm sáng của nền kinh tế 8 tháng đầu năm. Dù dịch Covid-19 có nhiều diễn biến phức tạp và khó lường, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành này trong quý II/2021 vẫn có những dấu hiệu tích cực. Có 68,2% số doanh nghiệp nhận định rằng hoạt động sản xuất kinh doanh quý II/2021 so với quý I/2021 tốt lên và giữ ổn định (30,5% doanh nghiệp đánh giá tốt lên và 37,7% doanh nghiệp đánh giá giữ ổn định), 31,8% doanh nghiệp cho rằng sản xuất kinh

doanh khó khăn hơn. Niềm tin của doanh nghiệp đối với Chính phủ trong quản lý, điều hành nền kinh tế gia tăng khi có tới 77,8% doanh nghiệp dự báo quý III/2021 so với quý II/2021 tốt hơn và giữ ổn định (39,2% tốt hơn, 38,6% giữ ổn định), tỷ lệ doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn là 22,2%. Cũng theo các doanh nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến SXKD trong quý II/2021 như sau:

Các yếu tố ảnh hưởng đến SXKD của doanh nghiệp trong quý II/2021

Đơn vị: %



Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh

Đối với ngành xây dựng, các doanh nghiệp ở ngành này gặp nhiều khó khăn trong quý II/2021 với 48,6% số doanh nghiệp nhận định tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn hơn quý I/2021; 34,1% số doanh nghiệp nhận định tình hình sản xuất kinh doanh vẫn ổn định, chỉ có 17,3% số doanh nghiệp nhận định tình hình sản xuất kinh doanh thuận lợi hơn. Theo các doanh nghiệp, quý III/2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành xây dựng tiếp tục duy trì nhịp độ như quý II/2021 với tỷ lệ doanh nghiệp nhận định tình hình sản xuất kinh doanh thuận lợi hơn là 17,8%, 33,6% số doanh nghiệp nhận định giữ ổn định và 48,6% doanh nghiệp nhận định khó khăn hơn¹.

Tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD), trong quý II/2021, tình hình kinh doanh của hệ thống ngân hàng được các TCTD đánh

¹ Theo số liệu Tổng cục Thống kê năm 2021.

giá tiếp tục cải thiện nhưng chưa được như kỳ vọng do ảnh hưởng bất lợi từ đại dịch Covid-19. Dự kiến trong thời gian tới, 67,6% TCTD kỳ vọng tình hình kinh doanh cải thiện hơn trong quý III/2021 và 73,3% TCTD kỳ vọng cải thiện hơn trong cả năm 2021. Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid 19, tại kỳ điều tra quý II/2021, 2 nhóm TCTD đã điều chỉnh thu hẹp hơn kỳ vọng về tốc độ phục hồi kinh doanh trong năm 2021 của đơn vị mình, trong khi 100% TCTD thuộc nhóm Ngân hàng thương mại nhà nước và Ngân hàng thương mại cổ phần lớn vẫn duy trì kỳ vọng lạc quan như trước. Theo các TCTD, trong quý II/2021, các nhân tố chủ quan và khách quan tiếp tục có những tác động tích cực giúp cải thiện tình hình kinh doanh của hệ thống ngân hàng, tuy nhiên, mức độ cải thiện đã chậm lại so với quý trước do những ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch Covid-19. Theo nhận định của các TCTD, “Điều kiện kinh doanh và tài chính của khách hàng” cùng với “Chính sách tín dụng, lãi suất và tỷ giá của NHNN” tiếp tục là những nhân tố quan trọng nhất giúp “cải thiện” tình hình kinh doanh của TCTD trong cả năm 2021. Trong khi đó, “sự cạnh tranh từ các TCTD khác” tiếp tục là vấn đề các TCTD quan ngại nhất.

Ngành lữ hành, lưu trú và ăn uống chịu tác động vô cùng nghiêm trọng, kéo dài từ năm 2019 đến nay. Hiện tại ngành du lịch toàn quốc chỉ còn khoảng 2.200 doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh lữ hành với phần lớn các doanh nghiệp chuyển sang kinh doanh lữ hành nội địa; người lao động ngành du lịch bắt buộc phải chuyển đổi nghề khác để kiếm sống, dẫn tới nguy cơ thiếu hụt nhân lực khi du lịch khôi phục trở lại; đến hết tháng 6/2021, số cơ sở lưu trú du lịch trong toàn quốc là 37.000 với 780.000 buồng; công suất phòng trung bình cả nước chỉ đạt 15%, nhiều nơi dưới 10%, nhiều cơ sở sau thời gian hoạt động cầm chừng phải đóng cửa. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới trong ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tiếp tục sụt giảm trong 6 tháng đầu năm 2021, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2021. Theo dự báo của các chuyên gia, ngành du lịch Việt Nam cần ít nhất 5 năm để phục hồi².

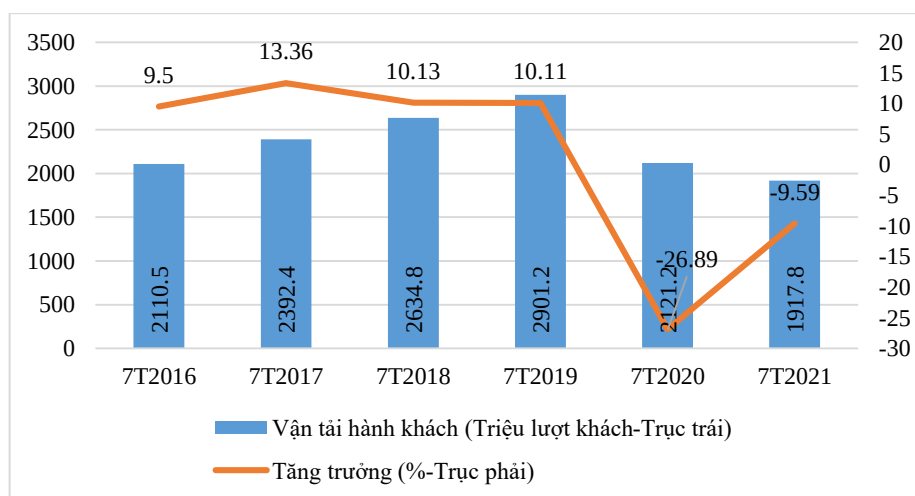
Tình hình hoạt động của ngành vận tải trong 7 tháng năm 2021, vận tải hành khách đạt 1.917,8 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 9,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 giảm 26,9%) và luân chuyển 80,6 tỷ

² Tham khảo tại <https://dangcongsan.vn/phong-chong-dich-covid-19/giai-phap-nao-de-du-lich-viet-nam-vuot-kho-trong-dai-dich-590353.html>

lượt khách, giảm 17,5% (cùng kỳ năm trước giảm 31,8%), trong đó vận tải trong nước giảm 9,5% và giảm 9,2%; vận tải ngoài nước giảm 96,4% và giảm 94,9%. Tất cả các ngành đường đều gặp khó khăn nhưng hàng không là ngành chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất. Trong 7 tháng năm 2021, vận tải hành khách đường hàng không chỉ đạt 13,7 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 32,3% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 57,7% so với cùng kỳ năm 2019; luân chuyển đạt 12,3 tỷ lượt khách, so với cùng kỳ năm 2020 và 2019 lần lượt giảm 46,6% và giảm 72,5%. Doanh nghiệp vận tải hành khách đường bộ và đường sắt vẫn đang trong giai đoạn cầm cự, nỗ lực duy trì hoạt động SXKD. Trong 7 tháng năm 2021, vận tải hành khách đường sắt chỉ đạt 1,2 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 52,3% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 76,5% so với cùng kỳ năm 2019; luân chuyển đạt 520,8 triệu lượt khách, giảm 54,1% (so với 2020) và giảm 76,2% (so với 2019). Vận tải hành khách đường bộ trong 7 tháng năm 2021, đạt 2.736,6 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 9,7% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 35,1% so với cùng kỳ năm 2019; luân chuyển đạt 93,9 tỷ lượt khách, giảm 8% (so với 2020) và giảm 30,3% (so với 2019). Sản lượng hành khách sụt giảm, lượt xe giảm, sức chống đỡ sau nhiều lần dịch bệnh cũng đã cạn dần, một số doanh nghiệp, nhà xe phải dừng hoạt động, cho xe nằm bãi. Doanh nghiệp không có nguồn để trả gốc và lãi vay ngân hàng, các khoản chi phí khác để duy trì hoạt động; kéo theo đó lao động mất việc làm, cuộc sống lâm vào cảnh khó khăn...

Số lượt hành khách vận chuyển 7 tháng các năm 2016-2021

Đơn vị: Triệu lượt khách



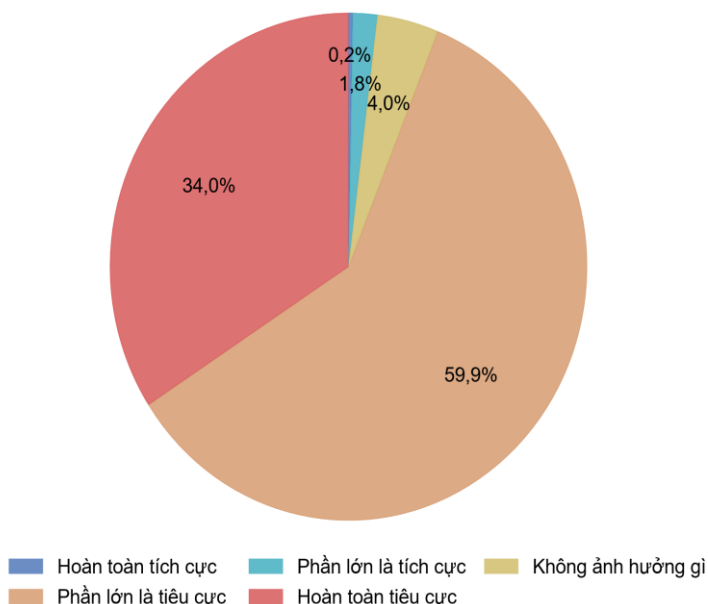
Nguồn: Tổng cục Thống kê

2. Tác động của đại dịch Covid-19 tới hoạt động của doanh nghiệp

Tác động của dịch Covid-19 đến tình hình “sức khỏe” doanh nghiệp rất nghiêm trọng. Kết quả điều tra khảo sát do VCCI thực hiện tháng 9/2021 trên gần 3000 doanh nghiệp cho thấy, có tới 93,9% doanh nghiệp cho biết tác động của dịch ở mức độ “hoàn toàn tiêu cực” và “phần lớn là tiêu cực”, tăng so với con số 87,2% của khảo sát năm 2020³. Cụ thể, trong khảo sát năm 2021 có khoảng 60% doanh nghiệp cho biết tác động của COVID-19 “phần lớn là tiêu cực” và 34% doanh nghiệp nhận định COVID-19 tác động “hoàn toàn tiêu cực” (gấp đôi so với mức 15% của năm 2020). Chỉ có khoảng 4% cho biết không bị ảnh hưởng bởi dịch và khoảng 2% cho biết đại dịch có tác động tích cực mang lại cơ hội cho doanh nghiệp để phát triển⁴.

Đại dịch COVID-19 có ảnh hưởng như nào đến doanh nghiệp?

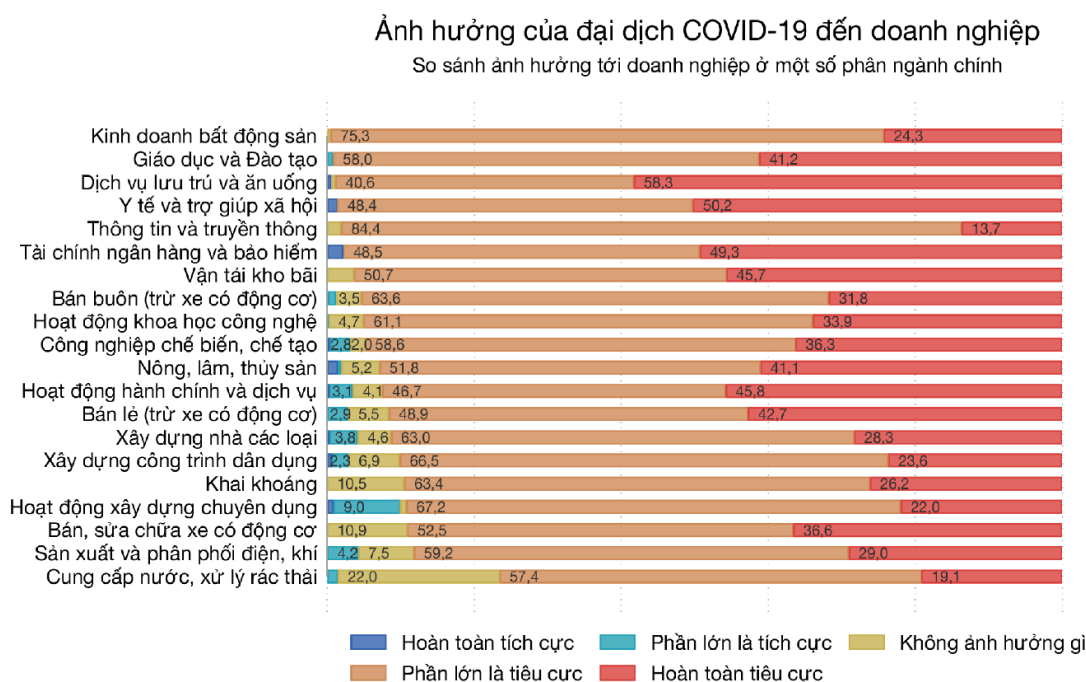
Đơn vị: Tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn (%)



³ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam: Báo cáo Tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam: Một số phát hiện chính từ điều tra doanh nghiệp năm 2020, công bố tháng 3/2021.

⁴ Theo Báo cáo của VCCI về “Tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam: Một số phát hiện chính từ điều tra doanh nghiệp năm 2020”, dựa trên kết quả khảo sát gần 10.200 doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đang hoạt động tại 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam cho thấy cộng đồng doanh nghiệp đang gặp những khó khăn chưa từng thấy do tác động của dịch COVID-19. Có tới 87,2% doanh nghiệp cho biết chịu ảnh hưởng ở mức “phần lớn” hoặc “hoàn toàn tiêu cực”. Bên cạnh những lĩnh vực chịu tác động thấy rõ như du lịch, lưu trú, nhà hàng, doanh nghiệp tư nhân trong một số ngành có tỷ lệ chịu tác động tiêu cực cao bởi dịch là may mặc (97%), thông tin truyền thông (96%) và sản xuất thiết bị điện (94%). Doanh nghiệp FDI trong một số lĩnh vực chịu ảnh hưởng tiêu cực cao bao gồm bất động sản (100%), thông tin truyền thông (97%), nông nghiệp/thủy sản (95%). Nhiều địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề, khi nơi thấp nhất (Bến Tre) có tới 75% và nơi cao nhất (Đà Nẵng) lên tới 98% doanh nghiệp chịu tác động tiêu cực của dịch COVID-19.

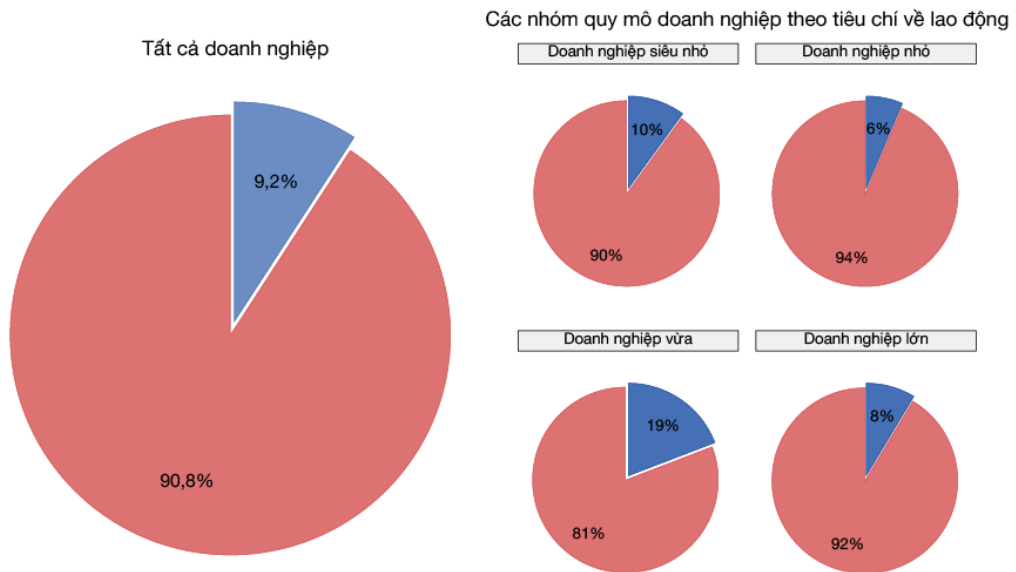
Hầu hết các doanh nghiệp trong tất cả các lĩnh vực ngành nghề đều đối diện khó khăn gây ra bởi dịch bệnh. Dịch COVID-19 tác động rất tiêu cực đến doanh nghiệp trong nhiều ngành như giáo dục đào tạo, dịch vụ lưu trú và ăn uống, y tế và trợ giúp xã hội... với gần 100% doanh nghiệp chịu ảnh hưởng tiêu cực. Nhìn chung, đây là những ngành thường xuyên đòi hỏi sự giao tiếp trực tiếp hoặc liên quan đến sự di chuyển của con người.



Dịch bệnh kéo dài trong gần hai năm qua khiến hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình trệ trên nhiều khía cạnh như duy trì lực lượng lao động, giữ ổn định chuỗi giá trị, và đảm bảo khả năng tăng trưởng doanh thu.

Về lao động, trung bình có 90,8% doanh nghiệp đã giảm quy mô lao động trong thời kỳ diễn ra dịch bệnh. Nói cách khác, cứ khoảng 10 doanh nghiệp thì có xấp xỉ 9 doanh nghiệp chấp nhận cho người lao động thôi việc do hoạt động sản xuất kinh doanh kém khả quan trong thời gian dịch bệnh bùng phát. Tình trạng này tương đối giống nhau ở tất cả các nhóm quy mô doanh nghiệp, trong đó khoảng 92% doanh nghiệp quy mô lớn báo cáo tình trạng cho thôi việc người lao động. Giá trị này ở các nhóm quy mô vừa, nhỏ và siêu nhỏ lần lượt là 81%, 94% và 90%.

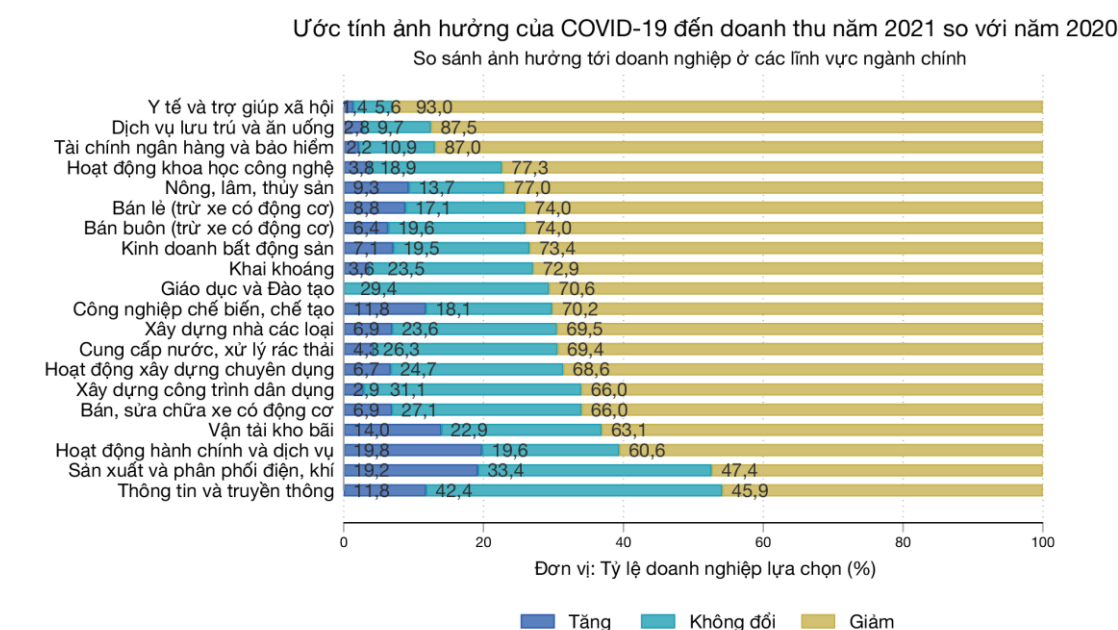
Tỷ lệ doanh nghiệp đã phải cho thôi việc người lao động do ảnh hưởng của COVID-19 (%)



Tình trạng người lao động mất việc làm diễn ra phổ biến nhất ở các ngành dịch vụ. Trên 97% doanh nghiệp ở các ngành giáo dục và đào tạo, hoạt động hành chính và dịch vụ, và dịch vụ lưu trú và ăn uống trả lời khảo sát đã phải giảm số lao động trong thời gian dịch bệnh. Tình trạng người lao động mất việc làm do ảnh hưởng từ dịch bệnh phổ biến nhất ở các tỉnh Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh duyên hải miền Trung với lần lượt 95%, 93% và 92% doanh nghiệp đang hoạt động ở các vùng này báo cáo việc cho người lao động thôi việc. Tỷ lệ tương ứng ở các khu vực khác thấp hơn 90% nhưng cũng tương đối cao; nơi ít nhất là Đồng bằng sông Hồng, nhưng cũng có 78% doanh nghiệp phải giảm số lao động.

Về chuỗi giá trị, trung bình có 96,2% doanh nghiệp gặp ít nhất một trong các vấn đề liên quan đến chuỗi giá trị. Các vấn đề này có thể là khó tiếp cận khách hàng, mất cân đối dòng tiền, khó khăn khi quản lý nhân công hay đứt gãy chuỗi cung ứng. Trong đó, đại dịch khiến khoảng 61,8% doanh nghiệp khó tiếp cận khách hàng trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, dịch bệnh gây đình đốn nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh khiến việc quản lý tài sản, dòng tiền trở thành một thách thức lớn. 57,6% doanh nghiệp gặp phải khó khăn này. Bên cạnh đó, việc triển khai các biện pháp giãn cách xã hội đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức lại mô hình làm việc và duy trì trong một thời gian dài tình trạng làm việc từ xa. Chính vì thế, khoảng 57,2% doanh nghiệp cho biết gặp khó khăn trong quản lý nhân sự trong thời kỳ dịch bệnh. Tương tự, dịch bệnh trên toàn cầu gây ra trở ngại lớn về duy trì chuỗi cung ứng với 51,4% doanh nghiệp bị ảnh hưởng.

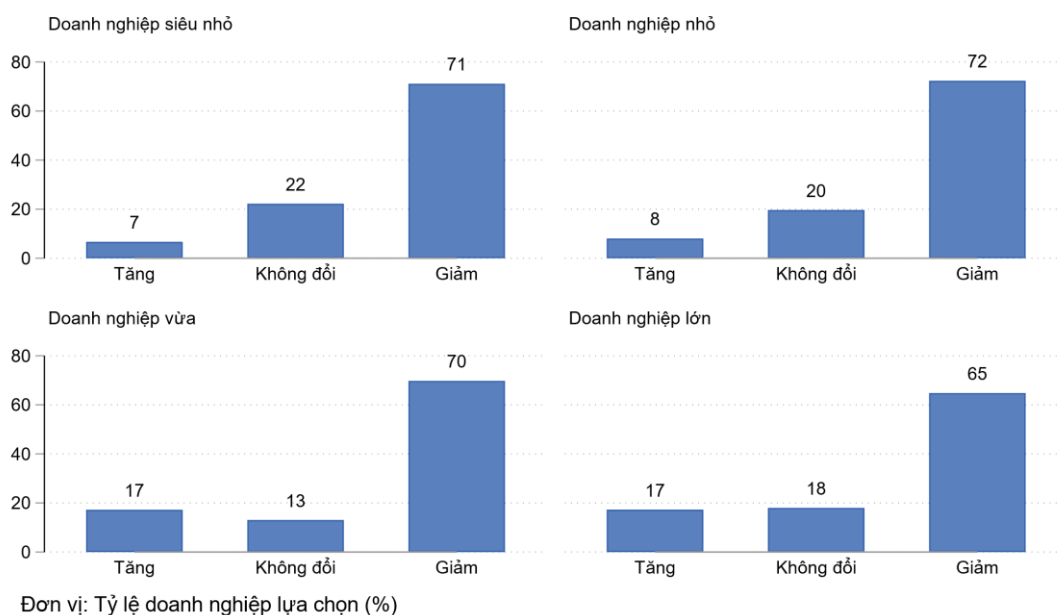
Về doanh thu, đại dịch COVID-19 kéo dài khiến 71% doanh nghiệp báo cáo doanh thu dự kiến năm 2021 giảm so với năm 2020. Đáng lưu ý, 93% doanh nghiệp trong lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội (chẳng hạn các bệnh viện tư, các trung tâm chăm sóc, điều dưỡng) báo cáo doanh thu dự kiến năm 2021 (năm thứ hai xảy ra dịch bệnh) bị sụt giảm so với năm 2020 (năm dịch bệnh thứ nhất). Tương tự, 87,5% doanh nghiệp trong ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống dự kiến sụt giảm doanh thu. Các ngành khác cũng có doanh thu giảm mạnh, với tỷ lệ doanh nghiệp dự tính giảm doanh thu dao động trong khoảng từ 45,9% đến 87%.



Các nhóm doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ và nhỏ bị giảm doanh thu đáng kể nhất bởi dịch bệnh với lần lượt 71% và 72% doanh nghiệp thuộc các nhóm này dự đoán tình hình suy giảm doanh thu so với năm đầu đại dịch. Tỷ lệ doanh nghiệp ước tính doanh thu năm 2021 suy giảm so với năm trước đó là rất đáng lưu ý. Bởi với riêng năm 2020, dịch bệnh COVID-19 đã làm 65% doanh nghiệp sụt giảm doanh thu so với năm 2019⁵. Kết quả ước tính doanh thu năm 2021 (năm dịch bệnh thứ hai) tiếp tục giảm so với năm trước đó dự báo tình trạng “kiệt quệ” về tài chính của rất nhiều doanh nghiệp trong thời gian tới nếu không có những giải pháp hỗ trợ phù hợp.

⁵ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam: Báo cáo Tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam: Một số phát hiện chính từ điều tra doanh nghiệp năm 2020, công bố tháng 3/2021.

Ước tính ảnh hưởng của COVID-19 đến doanh thu năm 2021 so với năm 2020
So sánh mức độ ảnh hưởng đến các nhóm doanh nghiệp phân theo quy mô lao động

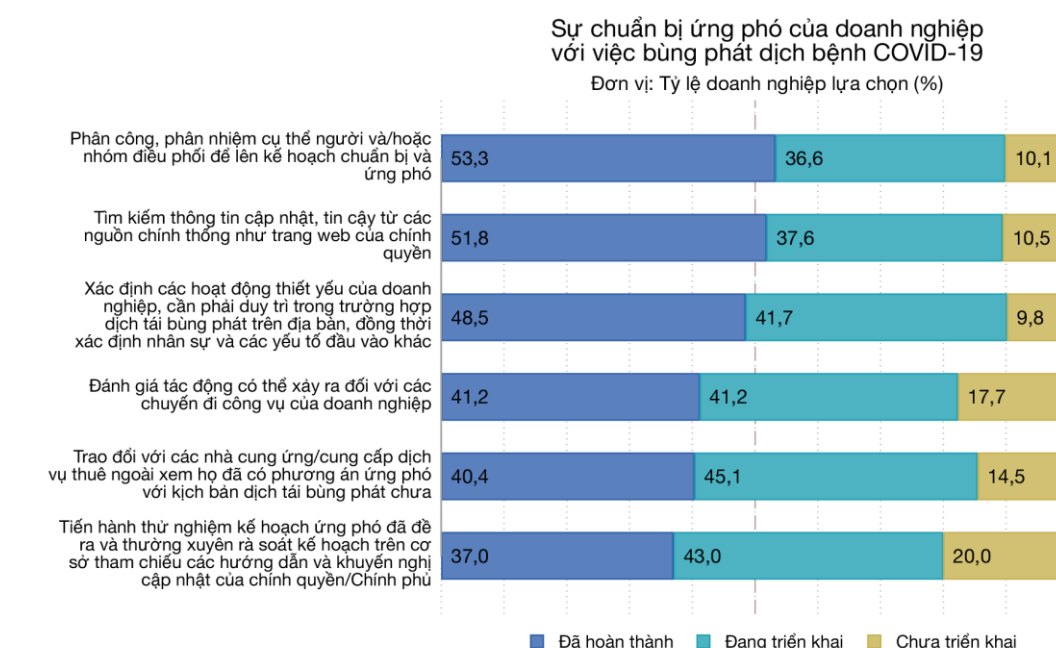


Đặc biệt, làn sóng thứ 4 của dịch COVID-19 từ ngày 27/4/2021 đến nay đã nhanh chóng lan ra 40 tỉnh, thành phố, trong đó có cả các trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước như Tp. Hồ Chí Minh và TP. Hà Nội, khiến nhiều hoạt động kinh tế bị đình đốn. Tại hội nghị trực tuyến "Cộng đồng doanh nghiệp đồng hành cùng Chính phủ trong chương trình tiêm chủng vắc xin phòng chống dịch COVID-19" do VCCI tổ chức ngày 28/5/2021 với sự tham gia của hàng chục hiệp hội doanh nghiệp tham gia, tính toán nhanh từ các Hiệp hội ngành hàng cho thấy, sản lượng hàng hóa của các khu vực trọng điểm công nghiệp phía Bắc, cụ thể là tại Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc có thể sụt giảm tầm 50% do ảnh hưởng của dịch bệnh,... kéo theo sự sụt giảm nghiêm trọng giá trị của các chuỗi vận tải, logistics, xuất khẩu liên quan trên phạm vi toàn quốc do chuỗi liên kết sản xuất trải rất rộng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp du lịch, hàng không tiếp tục bị “đóng băng” gần như mọi hoạt động, kéo theo hơn 2 triệu lao động ngành này bị mất việc làm hoặc cắt giảm mạnh lượng công việc. Thiệt hại kinh tế mỗi ngày do giãn cách, cách ly là rất to lớn. Nếu các doanh nghiệp bị dừng hoạt động quá lâu, không tránh khỏi làn sóng phá sản doanh nghiệp sẽ xuất hiện tại Việt Nam. Đặc biệt, với các doanh nghiệp FDI, nếu bị thiệt hại quá nhiều do dừng sản xuất, nhiều doanh nghiệp sẽ buộc phải rút khỏi thị trường. Trường hợp đó sẽ dẫn tới đình đốn ngành công nghiệp sản xuất của Việt Nam, kéo theo đó là giá trị sản xuất

công nghiệp và giá trị kinh ngạch xuất khẩu của Việt Nam sẽ sụt giảm đáng kể, từ đó ảnh hưởng nghiêm trọng tới thu ngân sách nhà nước. Những vấn đề về thất nghiệp, gánh nặng chi an sinh xã hội của Nhà nước sẽ gia tăng đáng kể.

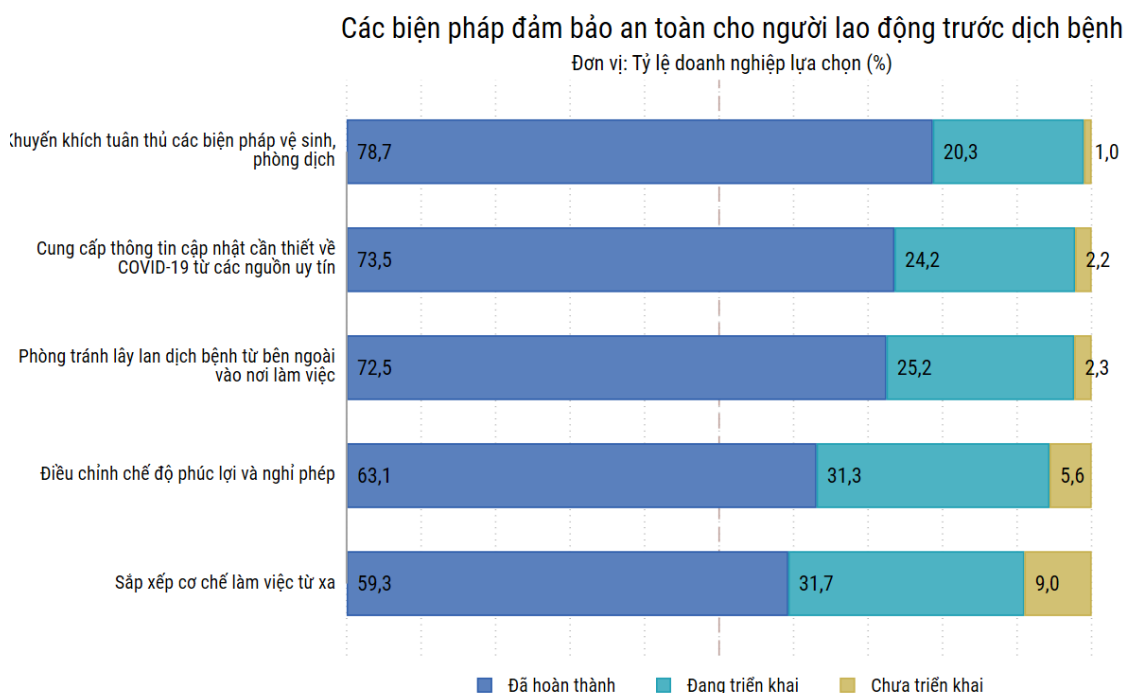
3. Một số biện pháp ứng phó của doanh nghiệp trong đại dịch Covid-19:

Trong thời kỳ dịch bệnh, doanh nghiệp Việt Nam đã có nhiều giải pháp khác nhau nhằm chuẩn bị ứng phó cú sốc bất lợi do COVID-19 đem lại. Một số biện pháp phổ biến được doanh nghiệp áp dụng gồm: phân công, phân nhiệm cụ thể người hoặc nhóm điều phối để lên kế hoạch chuẩn bị và ứng phó; tìm kiếm thông tin cập nhật, tin cậy từ các nguồn chính thống như trang web của chính quyền; tiến hành thử nghiệm kế hoạch ứng phó đã đề ra và thường xuyên rà soát kế hoạch trên cơ sở tham chiếu các hướng dẫn và khuyến nghị cập nhật của Chính phủ/chính quyền... Đây có thể là gợi ý để các cơ quan Nhà nước ở Trung ương và địa phương xem xét xây dựng các hướng dẫn chi tiết và xây dựng những phương án mẫu nhằm ứng phó với COVID-19 để các doanh nghiệp tham khảo.

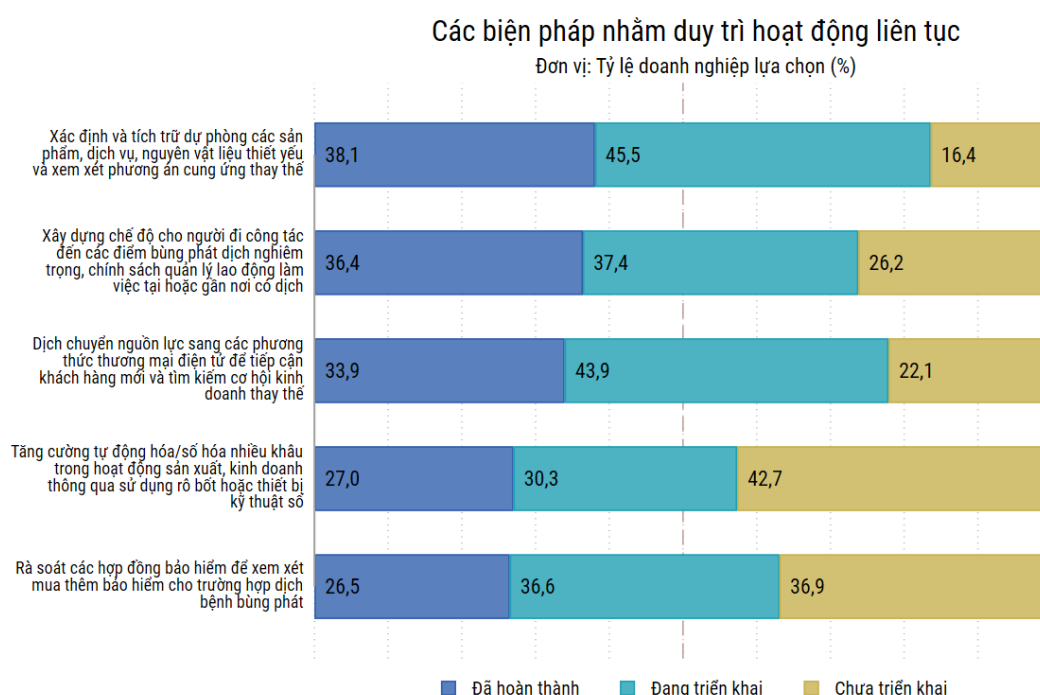


Về các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động trong bối cảnh dịch bệnh, hầu hết các doanh nghiệp đã thực hiện một trong các giải pháp như: khuyến khích người lao động tuân thủ các biện pháp vệ sinh, phòng dịch; cung cấp thông tin cập nhật cần thiết về COVID-19 từ các nguồn uy tín; phòng tránh lây lan dịch bệnh từ bên ngoài vào nơi làm việc; điều chỉnh

chế độ phúc lợi và nghỉ phép; và sắp xếp cơ chế làm việc từ xa. Trong các giải pháp này, tỷ lệ doanh nghiệp sắp xếp cơ chế làm việc từ xa là thấp nhất với 59,3% doanh nghiệp “đã hoàn thành”, 31,7% doanh nghiệp “đang triển khai” và 9% doanh nghiệp “chưa triển khai”. Chính vì vậy, từ phía cơ quan Nhà nước, các giải pháp chính sách cần tính đến những khía cạnh này, chẳng hạn bổ sung những hướng dẫn chi tiết hoặc các khóa tập huấn nhằm giúp doanh nghiệp tổ chức mô hình làm việc từ xa hiệu quả trong thời kỳ dịch bệnh.



Về các biện pháp nhằm duy trì hoạt động liên tục, theo kết quả khảo sát của VCCI về đánh giá mức độ thực hiện của doanh nghiệp đối với việc xây dựng kế hoạch kinh doanh liên tục, chuẩn bị các kịch bản, giải pháp giúp doanh nghiệp chủ động trước những cú sốc bất lợi (như thiên tai, dịch bệnh), chỉ chưa tới 40% doanh nghiệp tham gia khảo sát tự đánh giá “đã hoàn thành” việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh liên tục. Tuy vậy, tỷ lệ doanh nghiệp đang thực hiện các giải pháp này khá cao và có thể kỳ vọng rằng số đông doanh nghiệp sẽ thực hiện một số biện pháp nhằm duy trì hoạt động liên tục trong thời gian tới.



Chính sách từ phía các cơ quan Nhà nước có thể tham gia vào việc thúc đẩy doanh nghiệp xây dựng các kế hoạch kinh doanh liên tục. Tỷ lệ doanh nghiệp chưa triển khai tự động hóa, số hóa trong sản xuất kinh doanh là khoảng 42,7%, và 36,9% doanh nghiệp chưa sử dụng công cụ bảo hiểm để giảm thiểu rủi ro trước biến cố do dịch bệnh gây ra. Do đó, các giải pháp khuyến khích, hướng dẫn doanh nghiệp chuyển đổi số và sử dụng bảo hiểm như công cụ phòng ngừa rủi ro cần được xem xét đến trong chính sách phòng chống dịch bệnh trong tương lai.

Nhìn chung, tuy chịu tác động nặng nề từ đại dịch Covid-19 trong hai năm qua nhưng cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam nói chung đã và đang nỗ lực hết khả năng để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn, chủ động điều chỉnh mô hình sản xuất, có phương án điều tiết nhân sự để đảm bảo vận hành sản xuất an toàn. Bên cạnh việc khắc phục khó khăn để duy trì hoạt động trong điều kiện hạn chế đảm bảo phòng chống dịch, cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam cũng đã thể hiện tinh thần vì cộng đồng, thể hiện trách nhiệm xã hội, hưởng ứng Lời kêu gọi của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về việc tập trung ưu tiên mọi nguồn lực cho công tác phòng chống dịch, nhiệt tình hưởng ứng và tham gia phong trào thi đua đặc biệt “*Cả nước đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch COVID-19*” do Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh

Chính phát động. Tính đến ngày 23/9/2021, Quỹ Vắc-xin phòng chống Covid-19 đã tiếp nhận 8.665 tỷ đồng⁶, trong đó phần đóng góp, ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp là không nhỏ, nhiều doanh nghiệp đã tham gia ủng hộ Quỹ với số tiền lên đến hàng nghìn tỷ đồng, góp phần chia sẻ gánh nặng với Ngân sách Nhà nước, hướng tới hoàn thành mục tiêu bao phủ vắc-xin cho 75 triệu dân đến cuối năm 2021.

4. Đánh giá nguy cơ tác động đến nền kinh tế

Các số liệu thống kê đã phản ánh đại dịch Covid-19 có tác động nghiêm trọng đến tình hình hoạt động của doanh nghiệp và thâm sâu vào nền kinh tế, đặc biệt trong quý III/2021. Các hoạt động kinh tế đã mất đà tăng trưởng đạt được trong nửa đầu năm 2021, các ngành kinh tế đều hoạt động dưới 60% công suất do các biện pháp phòng chống dịch được áp dụng ở mức nghiêm ngặt hơn so với các giai đoạn trước. Thực tế này cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã gia tăng mức độ rủi ro theo hướng suy giảm. Rủi ro tài khóa mặc dù vẫn đang được kiểm soát trong trung hạn nhưng rủi ro vẫn hiện hữu, nợ xấu gia tăng cũng khiến rủi ro tăng lên trong khu vực tài chính⁷. Bên cạnh đó, dịch bệnh làm kinh tế suy yếu, gây khủng hoảng xã hội với tác động ở các mức độ khác nhau lên nhiều nhóm đối tượng, làm gia tăng bất bình đẳng xã hội.

Về sức chịu đựng của doanh nghiệp Việt Nam trước tình trạng kéo dài của dịch bệnh, kết quả khảo sát cho thấy một doanh nghiệp điển hình chỉ có thể cầm cự thêm tối đa 6 tháng. Doanh nghiệp ở những lĩnh vực ngành báo cáo số tháng thấp nhất là nông lâm, thủy sản (trung bình 4,7 tháng), thông tin truyền thông (4,9 tháng) và xây dựng (5,3 tháng)⁸. Ảnh hưởng của dịch bệnh có tác động rõ ràng theo khu vực. Doanh nghiệp tại Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long vốn bị ảnh hưởng mạnh bởi đợt bùng phát dịch bệnh gần nhất nên sức chịu đựng chung của doanh nghiệp ở những khu vực này cũng thấp hơn đáng kể những khu vực khác. Số tháng trung bình mà doanh nghiệp ở hai khu vực trên có thể tiếp tục cầm cự trong điều kiện hiện

⁶ Theo cập nhật số liệu tại trang web: <https://quyvaxincovid19.gov.vn/report>

⁷ Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (08/2021), Cập nhật tình hình Kinh tế Việt Nam tháng 8/2021. Theo nguồn tổng hợp từ Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Thế giới, bội chi ngân sách tăng từ 4,9% lên 6% GDP, nợ công ở mức 58,3% (so với mức 55% năm 2019).

⁸ Câu hỏi khảo sát cho doanh nghiệp về khả năng chịu đựng trước tình trạng dịch bệnh kéo dài: “Theo bạn, với cách tiếp cận hiện nay, doanh nghiệp bạn có thể cầm cự thêm bao lâu nữa nếu Chính phủ tiếp tục duy trì đồng thời các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, phong tỏa tạm thời và triển khai tiêm vắc-xin?”

tại lần lượt là 5 tháng và 5,3 tháng. Trong khi đó, doanh nghiệp tại các tỉnh miền núi phía Bắc – nơi ít chịu ảnh hưởng hơn bởi đại dịch – có thể kéo dài hoạt động thêm khoảng 8,4 tháng nếu tình trạng hiện tại không có nhiều cải thiện⁹.

Nhận định của Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam về các chỉ số dự báo của nền kinh tế năm 2021 đã thấp hơn nhiều so với những tháng đầu năm, với mức tăng trưởng GDP đạt khoảng 4,8%, thấp hơn hai điểm phần trăm so với dự báo do Nhóm Ngân hàng Thế giới đưa ra vào tháng 12 năm 2020, có xét đến tác động tiêu cực của đợt dịch COVID-19 hiện nay đến các hoạt động kinh tế. thặng dư tài khoản vãng lai giảm từ 4,6% xuống 0,5% GDP, bội chi ngân hàng tăng từ 4,9% lên 6% GDP. Theo đánh giá của ông Rahul Kitchlu, Quyền Giám đốc quốc gia WB tại Việt Nam: *“Nền kinh tế Việt Nam liệu có phục hồi vào nửa sau năm 2021 hay không? Điều đó còn tùy thuộc vào kết quả kiểm soát đợt dịch COVID-19 bùng phát hiện nay, hiệu quả triển khai vắc-xin, và hiệu suất của các biện pháp tài khóa nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ gia đình bị ảnh hưởng và để kích thích phục hồi”*¹⁰. Với những con số nêu trên, rõ ràng, đại dịch Covid-19 đang là mối đe dọa thách thức các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong cả ngắn và dài hạn mà Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đề ra.

Mặc dù vậy, theo WB, các yếu tố căn bản của nền kinh tế tương đối vững chắc, khả năng đạt tốc độ tăng trưởng GDP ở mức 6,5%-7% từ năm 2022 trở đi vẫn khả quan. Với kết quả tích cực từ công tác phòng chống dịch của các địa phương, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh, cùng tốc độ tiêm vắc-xin được đẩy mạnh trên toàn quốc trong tháng 8-9/2021, khả năng mở cửa trở lại, tái khởi động nền kinh tế trong quý IV mở ra nhiều triển vọng cho đà phục hồi tốt từ quý I/2022. GDP cả năm 2022 có thể đạt mức 6,5%¹¹ nếu các chính sách kinh tế - xã hội của Chính phủ phát huy hiệu quả tối đa về trung và dài hạn trong việc xử lý hệ quả khủng hoảng xã hội, giảm bớt bất bình đẳng xã hội thông qua việc điều chỉnh phạm vi hỗ trợ, đối tượng và mức

⁹ Lưu ý rằng khoảng thời gian doanh nghiệp có thể cầm cự thêm được tính từ thời điểm trả lời khảo sát. Khảo sát này được tiến hành từ tháng 7 đến tháng 9/2021, thời gian thực tế để doanh nghiệp cầm cự được tính tới thời điểm báo cáo này có thể ngắn hơn 1,5-2 tháng. Như vậy, tính trung bình thời gian còn lại cho các doanh nghiệp cũng chỉ xung quanh khoảng 1 quý nữa kể từ tháng 9/2021.

¹⁰ Tham khảo tại: <https://vietnamfinance.vn/world-bank-kinh-te-viet-nam-co-the-phuc-hoi-manh-me-tu-cuoi-quy-iii-20180504224258687.htm>

¹¹ Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (08/2021), Cập nhật tình hình Kinh tế Việt Nam tháng 8/2021.

hỗ trợ của các chương trình an sinh xã hội, điều chỉnh chính sách tài chính thận trọng với các rủi ro gia tăng liên quan đến nợ xấu.

Ngoài ra, mức tăng trưởng kỳ vọng này có đạt được hay không còn phụ thuộc vào sự phục hồi của một số ngành là động lực chính của nền kinh tế như xuất khẩu, logistics, dịch vụ ăn uống, bán lẻ... Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nói chung, trong đó có chính sách an sinh cho người lao động, có ý nghĩa quan trọng, góp phần tăng tốc độ tái tạo việc làm, đẩy nhanh quá trình phục hồi. Không chỉ vậy, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, an sinh xã hội cần được triển khai đồng bộ, thống nhất giữa các địa phương, có như vậy mới tạo được sự cộng hưởng cần thiết, tái kết nối chuỗi cung ứng, tái khởi động và phục hồi vùng kinh tế.

II. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH PHỦ TRONG GIAI ĐOẠN DỊCH BỆNH COVID-19

Đợt dịch Covid-19 bùng phát lần thứ tư, đặc biệt bắt đầu từ tháng 7 năm 2021, đã gây tác động mạnh tới hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp. Các nguồn lực dự trữ đang cạn dần trong khi thị trường chưa có dấu hiệu phục hồi hoặc đang phục hồi rất chậm. Đợt dịch này đã xâm nhập và tác động tiêu cực tới các khu công nghiệp, khu chế xuất, nơi tập trung một lượng lớn người lao động, nhất là ở các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, dẫn đến nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng, chuỗi lao động, sản xuất quy mô lớn, ảnh hưởng lớn đến kinh tế địa phương và cả nước. Một số khó khăn nổi bật cụ thể như sau:

1. Một số khó khăn, vướng mắc chủ yếu của doanh nghiệp

1.1. Công tác y tế, phòng chống dịch bệnh Covid-19

- Mô hình “3 tại chỗ” “1 cung đường, 2 địa điểm” áp dụng tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam trong giai đoạn thực hiện Chỉ thị 15, 16 của Thủ tướng Chính phủ đang gặp một số vấn đề phát sinh tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp ở nhiều địa phương khi thời gian áp dụng kéo dài, việc cấp thiết cần có các giải pháp và sáng kiến để duy trì sản xuất trong giai đoạn áp dụng Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo phản ánh

của các doanh nghiệp, việc áp dụng phương án “3 tại chỗ”, “1 cung đường, 2 địa điểm” đang gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất. Các doanh nghiệp, chủ yếu là các doanh nghiệp ở phía Nam đang gặp nhiều vấn đề phát sinh mới như điều kiện ăn ở cho công nhân và người lao động không đảm bảo, vấn đề mặt tâm lý, an sinh của người lao động khi họ bị tách khỏi gia đình quá lâu, vấn đề tăng chi phí của doanh nghiệp do vừa phải lo xét nghiệm, tiêm vắc – xin, vừa phải lo phụ cấp tiền lương, ăn ở cho người lao động. Cùng với đó, thời gian bắt buộc áp dụng phương châm “3 tại chỗ”, “1 cung đường, 2 địa điểm” kéo dài đã dẫn đến các bất ổn trong nội bộ doanh nghiệp, gây cạn kiệt nguồn lực của doanh nghiệp. Trong khi đó, phần lớn các doanh nghiệp ở phía Nam có số lượng lao động nhập cư từ các địa phương khác rất lớn nên không đủ điều kiện áp dụng “3 tại chỗ” và nhiều đơn vị buộc phải đóng cửa tạm thời¹².

Do cơ chế cứng nhắc của “3 tại chỗ”, trong thời điểm hiện các doanh nghiệp tại khu công nghiệp không thể thực hiện hoán đổi công nhân (giữa công nhân của doanh nghiệp đang được nghỉ hoán đổi cho số công nhân đang bám trụ trong nhà máy) gây mệt mỏi về tinh thần và thể xác cho người lao động. Một số doanh nghiệp không thể thực hiện 3 tại chỗ cũng không thể đưa công nhân về địa phương do địa phương có dịch, đang thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 không tiếp nhận người trở về.

- Chuyên gia và nhà quản lý gặp nhiều khó khăn vướng mắc khi xin cấp giấy phép lao động theo Nghị định 152 của Chính phủ, đặc biệt là yêu cầu về bằng cấp phải phù hợp công việc dự kiến, hoặc người lao động đã được cấp giấy phép lao động từ trước vẫn phải xin xác nhận từ nước ngoài khi gia hạn hoặc cấp mới giấy phép. Thời gian xin cấp phép nhập cảnh cho nhà đầu tư, chuyên gia, nhà quản lý rất lâu và phải qua nhiều quy trình (từ việc xin chấp thuận nhập cảnh của UBND, đến các thủ tục phê duyệt của các Bộ ngành liên quan). Thực tế một số tỉnh phía Nam cũng quá tải về hạ tầng dẫn đến việc hạn chế chấp thuận nhập cảnh.

¹² Trường hợp cụ thể, Tập đoàn Pouchen (Đài Loan) với khoảng 150.000 lao động làm việc ở nhà máy tại Tp HCM, Tây Ninh, Đồng Nai, Vũng Tàu, Tiền Giang gần 1 tháng nay đã dừng sản xuất do không đáp ứng được yêu cầu “3 tại chỗ”, phải hoãn và thậm chí phải hủy bỏ đơn hàng, trong khi đó vẫn phải trả lương cho người lao động, khoảng 1 triệu USD mỗi ngày.

- Công ty Furukawa Denko – doanh nghiệp sản xuất phụ tùng điện cho ô tô xuất khẩu về Nhật Bản có 2 nhà máy tại tp. Hồ Chí Minh (8.000 công nhân) và tỉnh Bến Tre (4.600 công nhân) đang phải dừng hoạt động theo yêu cầu phòng chống dịch. Việc này gây ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu của Toyota, Honda. Một số dây chuyền sản xuất tại Nhật Bản phải dừng hoạt động do thiếu phụ tùng.

- Các yêu cầu về xét nghiệm Covid-19 bằng phương pháp RT-PCR đã làm tăng chi phí cho doanh nghiệp, cách ly y tế tập trung 14 ngày với người về/đi giữa các tỉnh thực hiện giãn cách và các tỉnh khác dẫn đến hoạt động giao hàng, cung ứng bị đình trệ, thiếu hụt nguồn nhân lực, chuyên gia không thể nhập cảnh vào Việt Nam.

- Các quy định về phòng chống dịch kiểm soát dịch bệnh, đánh giá nguy cơ lây nhiễm tại nơi làm việc, quy định về giãn cách, phong tỏa khi phát hiện F0... chưa phù hợp với thực tiễn diễn biến dịch bệnh, cộng với sự vận dụng máy móc, cứng nhắc của các cấp chính quyền địa phương gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp, thậm chí có thể dẫn tới nguy cơ ngừng sản xuất, phá sản của doanh nghiệp. Đơn cử, theo quy định hiện hành về kiểm soát dịch thì phải thực hiện đồng thời các tiêu chí cơ bản như: "*Số ca mắc mới tại cộng đồng theo tuần có xu hướng giảm liên tục so với 2 tuần liền kề trước đó và giảm ít nhất 50% so với tuần cao nhất trong đợt dịch; Tỷ lệ số mẫu xét nghiệm dương tính/số người lấy mẫu xét nghiệm bằng phương pháp RT-PCR trong ngày tại cộng đồng có xu hướng giảm liên tục trong 14 ngày; Không ghi nhận chuỗi, chùm ca bệnh lây nhiễm mới xuất hiện trong vòng 7 ngày. Bộ tiêu chí cũng không đề cập đến các tiêu chí rất quan trọng khác như tỷ lệ dân số đã được tiêm vắc xin*"¹³. Theo các chuyên gia thì với bộ tiêu chí này, ngay cả những nước đã có tỷ lệ tiêm vắc xin cao, đã mở cửa lại nền kinh tế như các nước Tây Âu, Bắc Mỹ, Israel cũng khó có thể đáp ứng.

- Thời gian gần đây, các công ty nhập khẩu thuốc và nguyên liệu làm thuốc gặp nhiều khó khăn trong việc thông quan do các biện pháp kiểm soát tăng cường của cơ quan hải quan đối với dược phẩm, bao gồm nhưng không giới hạn nhưng yêu cầu giải trình, và các yêu cầu tăng thêm khác trong quá trình kiểm tra hồ sơ, nằm ngoài các quy định trong Nghị định, Thông tư thuộc lĩnh vực dược. Những yêu cầu này từ phía cơ quan hải quan chủ yếu tập trung vào tài liệu hành chính và những khác biệt nhỏ (ví dụ như lỗi chính tả, khác định dạng) mà không liên quan đến chất lượng và tiêu chuẩn của sản phẩm. Trong nhiều trường hợp, các yêu cầu này khiến thời gian thông quan bị tăng lên ít nhất là gấp đôi, và thậm chí nhiều hơn đối với hàng vận chuyển đường

¹³ Quyết định số 3989/QĐ-BYT ngày 18/8/2021 về việc ban hành “Tiêu chí kiểm soát dịch Covid-19 tại các địa phương đang thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

biên. Những yêu cầu về mặt hành chính trong quá trình thông quan này đang làm tăng thời gian thông quan, tăng chi phí lưu kho và ảnh hưởng đến chất lượng của thuốc cũng như tiến độ cung ứng thuốc cho điều trị từ tháng 2/2021 đến nay.

- Trong thời gian qua, ở một số địa phương có hiện tượng không bố trí cho người lao động đã tiêm mũi 1 tại doanh nghiệp nhưng do dịch phải nghỉ việc, quay trở về địa phương, nay cần đủ tiêm 2 mũi mới có đủ điều kiện di chuyển đến nhà máy ở địa phương khác). Tỷ lệ tiêm phủ vắc-xin cho người lao động tại các địa phương khác còn thấp (trừ Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương có độ phủ vắc-xin lớn nhất cả nước, có chủ trương ưu tiên tiêm cho người lao động tại doanh nghiệp). Thiếu vắc – xin để tiêm cho người lao động tại các doanh nghiệp là khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp trong công tác y tế, phòng chống dịch bệnh.

1.2. Duy trì hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp

- Vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất và xuất khẩu đang bị gián đoạn. Quy định về các biện pháp giãn cách xã hội, hạn chế lưu thông, vận chuyển hàng hóa của các địa phương không thống nhất, gây ra rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, từ đó làm đứt gãy chuỗi cung ứng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hậu quả là các doanh nghiệp bị chậm tiến độ giao hàng/nhập hàng, đơn hàng bị hủy¹⁴.

- Chi phí sử dụng lao động của DN bao gồm các khoản chi trả tiền lương, thưởng, phúc lợi, đóng BHXH, bảo hộ lao động, đào tạo, tuyển dụng... là một cấu phần quan trọng trong tổng chi phí của DN. Do phải hoạt động trong điều kiện của đại dịch, nên chi phí lao động đã tăng lên đột biến khi phải chi thêm phúc lợi xã hội, cho lao động nghỉ việc có hưởng lương,

¹⁴ Trường hợp cụ thể:

- Tập đoàn Foxconn cho biết, tập đoàn này đã mua lại công ty con của tập đoàn Sharp tại Việt Nam (tên chính thức là SAIGON Stec Co.,ltd trụ sở tại Bình Dương) chủ yếu sản xuất camera module thông minh cho sản phẩm iphone (hiện nay sản phẩm này chiếm 60-70% sản lượng camera iphone trên toàn cầu). Hiện nay, nhà máy này đang cần gấp khoảng 6.000 lao động để đáp ứng nhu cầu sản xuất iphone 13 trên toàn cầu, nhưng nhà máy đang bị phong tỏa để phòng chống dịch, các lao động hiện tại (khoảng 2000 người) không được đi làm. Khách hàng của Foxconn thông báo, nếu không hoạt động trở lại, các đơn hàng này sẽ chuyển về Trung Quốc, tác động lớn đến kế hoạch phát triển Foxconn tại Việt Nam.

- Tập đoàn Foxconn đề nghị tỉnh Bình Dương hỗ trợ Cty SAIGON Stec Co.,ltd (S-STEC) một số biện pháp duy trì sản xuất: (1) hỗ trợ Cty thiết lập khu nhà ở dã chiến gần nhà máy đủ cho 2.000 lao động theo các quy định về giãn cách của Chính phủ Việt Nam (kiến nghị giao cho S-STEC chịu trách nhiệm kiểm soát, quản lý nhân viên ra vào, ở cố định chứ không đi lại giữa nhà máy và nơi ở theo phương án “một cung đường, hai điểm đến”); (2) hỗ trợ S-STEC tuyển dụng thêm 6.000 lao động mới.

chi phí thêm về ăn ở cho người lao động. Đặc biệt, các DN áp dụng “3 tại chỗ”, chi phí lao động đơn vị (tính bình quân trên 1 lao động đang làm việc) đã tăng lên rất nhiều, gây khó khăn cho DN. Một số nguyên nhân tác động năng suất làm việc từ xa do COVID-19 chưa có tiền lệ, doanh nghiệp và người lao động chưa được chuẩn bị. Doanh nghiệp và lao động chưa được đào tạo, làm quen với làm việc từ xa, chưa được cung cấp kiến thức, cơ sở vật chất tương ứng. Cả doanh nghiệp và người lao động hiện coi làm việc từ xa là giải pháp tạm thời, tình thế nên chưa có chính sách, chiến lược dài hạn hơn, hướng tới gắn với năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh của làm việc từ xa. Đồng thời, chưa có khung pháp lý, văn bản Luật pháp liên quan đến năng suất, chất lượng việc làm, đảm bảo an toàn sức khỏe nghề nghiệp, vệ sinh nơi làm việc...cho làm việc từ xa.

- Mức độ tăng chi phí an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) cũng đáng kể với các DN. Ví dụ, với nhóm các DN trên 500 lao động, có 44,44% số DN tăng chi phí ATVSLĐ từ 10-20% và có 5,56% số DN tăng chi phí ATVSLĐ từ 20-30%¹⁵. Trong bối cảnh sản xuất khó khăn, thậm chí phải thu hẹp sản xuất, việc tăng thêm các chi chí ATVSLĐ, đặc biệt là chi cho các biện pháp phòng dịch như chi phí test vi rút, đảm bảo vệ sinh an toàn lao động khi thực hiện mô hình “3 tại chỗ”, “2 điểm đến 1 cung đường”, “luồng xanh”,... lại đang là gánh nặng đối với nhiều DN. Theo các HHDN, nguồn lực của các DN đang cạn kiệt do phải chi phí rất nhiều cho phòng chống dịch.

- Chi phí đầu vào, chi phí vận chuyển ngày một tăng cao dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguyên liệu đầu vào, đội chi phí giá thành sản xuất. Tình trạng thiếu nghiêm trọng container rỗng, giá thuê container tăng 5-10 lần, chi phí vận chuyển logistics tăng từ 2-4 lần, có thời điểm lên đến thậm chí gấp 7-8 lần so với thời điểm trước khi đại dịch Covid-19 bùng phát và chưa hạ nhiệt đang trở thành một trong những thách thức rất lớn với doanh nghiệp cả ở chiều xuất lẫn nhập khẩu. Nhiều khoản chi phí mới phát sinh liên quan đến công tác phòng, chống dịch như: chi phí xét nghiệm (đối với các doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp có nhiều lao động chi phí này có thể lên đến hàng nghìn tỷ đồng); chi đầu tư để đáp ứng các điều kiện về kiểm soát an

¹⁵ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (08/2021), Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp về những ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến các vấn đề lao động việc làm tại doanh nghiệp.

toàn dịch bệnh tại doanh nghiệp. Chi phí lưu kho, lưu bãi tăng, cước vận chuyển tăng, tình hình sản xuất kinh doanh bị ngưng trệ.

- Dòng tiền của doanh nghiệp bị thiếu hụt nghiêm trọng dẫn đến gặp khó khăn để có thể trang trải các khoản chi phí để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh như: các khoản chi phí cho người lao động (trả lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn...). Do thiếu hụt dòng tiền nên hầu hết các doanh nghiệp rất khó khăn trong việc trả lãi vay đúng hạn, dẫn đến tình trạng nợ xấu, khó có thể tiếp cận các khoản vay mới. Ngoài ra, các doanh nghiệp vẫn phải chi trả tiền thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà xưởng trong khi phải tạm ngưng hoạt động.

- Chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu bị gián đoạn, đình trệ cục bộ. Nhiều doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu bị ảnh hưởng phải trì hoãn hoặc hủy đơn hàng, nếu đợt dịch bùng phát kéo dài có thể bị mất thị trường do bạn hàng thay đổi chuỗi cung ứng. Nhiều doanh nghiệp quy mô lớn với hàng trăm, hàng nghìn lao động đã phải tạm ngưng sản xuất, gây thiệt hại lớn cho doanh nghiệp và người lao động; một số tập đoàn FDI lớn có các nhà máy vệ tinh trong chuỗi cung ứng tại Việt Nam (OEM) đang xem xét tìm nhà cung ứng thay thế từ các cơ sở sản xuất khác

- Khó khăn về lao động và nhập cảnh cho chuyên gia. Để cầm cự trước dịch bệnh nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô, cắt giảm lao động. Điều này sẽ gây khó khăn rất lớn cho việc tìm kiếm nguồn lao động trở lại của các doanh nghiệp khi phục hồi sản xuất sau dịch bệnh, đặc biệt là đối với các ngành nghề yêu cầu lao động có tay nghề, chuyên môn nhất định như cơ khí, điện tử... Các doanh nghiệp FDI còn gặp khó khăn với vấn đề nhập cảnh và việc gia hạn hoặc cấp giấy phép lao động cho chuyên gia nước ngoài.

- Do ảnh hưởng của dịch covid 19 nặng nề và thời gian giãn cách kéo dài (nhất là đợt dịch bùng phát vào tháng 7-2021), nhiều doanh nghiệp khó có thể duy trì, buộc phải dừng sản xuất và đóng cửa, người lao động mất việc và dẫn đến xuất hiện làn sóng người lao động di chuyển khỏi tỉnh, thành phố lớn (Hà Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai...). Điều này có nguy cơ cao là ngay khi hết thời gian giãn cách, tình hình dịch Covid-19 giảm thì doanh nghiệp khó có thể phục hồi ngay năng lực sản xuất do thiếu hụt lao động, đặc biệt lao động có kỹ năng, tay nghề cao.

2. Đánh giá về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ của Chính phủ

Rất nhiều chính sách đã được các cơ quan Nhà nước ban hành kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát đến nay nhằm mục đích hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua và phục hồi sau dịch bệnh. Trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, dù ngân sách nhà nước rất eo hẹp, nhưng Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chịu tác động do dịch Covid-19 để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các gói hỗ trợ lớn bao gồm: Chính sách tiền tệ, trọng tâm là cơ cấu lại nợ, miễn, giảm lãi suất, hỗ trợ tín dụng, có quy mô, chính sách hỗ trợ bảo đảm an sinh xã hội; chính sách tài khóa, trọng tâm là gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trả lương cho người lao động. Tuy nhiên, từ chính sách đến hành động thực tiễn, khoảng cách vẫn còn rất lớn, chưa phát huy hiệu quả một cách kịp thời để cứu doanh nghiệp.

2.1. Gói hỗ trợ về thuế

Gói hỗ trợ về thuế bao gồm giảm và hoãn tiền thuê đất, hoãn và giảm thuế thu nhập DN, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế và phí khác cho DN. Theo khảo sát nhanh của VCCI trên 500 doanh nghiệp vào tháng 8/2021, chỉ có 35,3% DN được khảo sát đã tiếp cận được với các gói hỗ trợ về thuế của Chính phủ, trong đó, ngành nông lâm ngư nghiệp (NLNN) có tỷ lệ DN tiếp cận được với gói hỗ trợ thuế cao nhất (45,71%) và thấp nhất là các DN trong ngành công nghiệp (29,1%). Tỷ lệ DN không tiếp cận được với gói hỗ trợ về thuế đã phản ánh những khó khăn và bất cập trong triển khai thực hiện của các gói hỗ trợ của Chính phủ về thủ tục hành chính, về quy trình xét duyệt và thẩm định, về các điều kiện để được hưởng, về thời gian xử lý... Trong số DN đã tiếp cận được với gói hỗ trợ về thuế thì 95% là doanh nghiệp tư nhân (DNTN). Tuy nhiên, nếu so với tổng số DNTN được khảo sát thì có 40,48% DNTN (kể cả các DN lớn, vừa và nhỏ) đã tiếp cận được với các gói hỗ trợ về thuế.

Tỷ lệ DN tiếp cận được với gói hỗ trợ về thuế chia theo ngành (%)

Mức độ tiếp cận	Công nghiệp	Trong đó, CBCT	Xây dựng	Dịch vụ	NLNN	chung
Tiếp cận được	29.09	27.91	36.36	34.62	45.71	35.29
Không tiếp cận được	70.91	72.09	63.64	65.38	54.29	64.71
Cộng	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00

Nguồn: VCCI (08/2021)

Trong số các DN tiếp cận được với gói hỗ trợ về thuế, chỉ 15,69% cho là tiếp cận dễ dàng, còn gần 20% cho là tiếp cận khó và rất khó. Riêng các DNTN (có số lượng và tỷ lệ tiếp cận cao nhất), tỷ lệ DN cho là tiếp cận khó và rất khó đối với gói hỗ trợ về thuế là hơn 22%. Có lẽ các DN ngành NLNN được ưu tiên hơn nên tỷ lệ DN tiếp cận được và tiếp cận dễ là cao nhất (22,86%), còn tỷ lệ tiếp cận dễ thấp nhất là ở ngành xây dựng (9,1%).

Tỷ lệ DN tiếp cận gói hỗ trợ về thuế chia theo ngành và mức độ thuận lợi khi tiếp cận (%)

Mức độ tiếp cận	Công nghiệp	Trong đó, CBCT	Xây dựng	Dịch vụ	NLNN	Chung
Dễ	14.55	11.63	9.09	13.46	22.86	15.69
Khó	14.55	16.28	27.27	21.15	17.14	18.30
Rất khó	0.00	0.00	0.00	0.00	5.71	1.31
Không áp dụng ¹⁶	70.91	72.09	63.64	65.38	54.29	64.71
Cộng	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00

Nguồn: VCCI (08/2021)

Về mức độ đáp ứng yêu cầu của DN, chỉ một tỷ lệ rất nhỏ số DN được khảo sát (3,27%), hay là 9,3% số DN đã tiếp cận được với gói hỗ trợ về thuế, cho là đáp ứng được toàn bộ yêu cầu của doanh nghiệp, còn lại 21,57% số DN cho biết chỉ mới đáp ứng được 1 phần và 10,46% cho biết chỉ đáp ứng được rất ít yêu cầu của DN (bảng 17). Nếu chỉ so với các DN đã tiếp cận được (35% số DN được khảo sát), hơn 90% số DN chỉ đáp ứng được một phần hay rất ít nhu cầu của họ. Nguyên nhân của tình trạng này có thể do những phiền hà về thủ tục và quy trình tiếp cận các gói hỗ trợ, đặc biệt là thủ tục chứng minh về tài chính.

Về mức độ tác động của gói hỗ trợ về thuế đối với doanh nghiệp đối với các DN đã tiếp cận được, phần lớn là tác động ở mức trung bình (24,1%), chỉ có 3,27% số DN có mức tác động cao, còn 7,84% số DN cho biết có mức tác động thấp. Rõ ràng là với tình hình tiếp cận rất hẹp và khó, mức độ đáp ứng thấp thì mức độ tác động cũng sẽ không đáng kể. Tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận còn thấp do quy trình và thủ tục phức tạp¹⁷. Chỉ là gia hạn, không miễn thuế, DN phải thực hiện nộp vào NSNN trước ngày kết thúc năm càng làm chi phí tuân thủ Quy trình và thủ tục gia hạn lớn hơn lợi ích. Doanh

¹⁶ Là những DN không tiếp cận được với gói hỗ trợ này

¹⁷ Ví dụ DN, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình kinh doanh thuộc đối tượng gia hạn gửi Giấy đề nghị GHNT, tiền thuê đất đối với các khoản thuế, tiền thuê đất được gia hạn theo mẫu cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp; hộ kinh doanh cần phải có đăng ký thuế, được cơ quan Thuế cấp mã số thuế. Phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên trong thời gian dịch.

ng nghiệp phải hoàn thành quyết toán thuế trong năm tại thời điểm đề nghị vay vốn. Trong khi theo pháp luật về thuế, doanh nghiệp có thể quyết toán thuế chu kỳ 3-5 năm, không bắt buộc quyết toán từng năm. Và chỉ là gia hạn tiền thuế phát sinh, không gia hạn số nợ thuế.

Tỷ lệ DN nhận được hỗ trợ về thuế chia theo ngành và mức độ tác động (%)

	Công nghiệp	Trong đó, CBCT	Xây dựng	Dịch vụ	NLN N	Chung
Cao	3.64	2.33	0.00	0.00	8.57	3.27
Thấp	7.27	6.98	9.09	9.62	5.71	7.84
Trung bình	18.18	18.60	27.27	25.00	31.43	24.18
Không áp dụng	70.91	72.09	63.64	65.38	54.29	64.71
Cộng	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00

Nguồn: VCCI (08/2021)

2.2. Gói hỗ trợ về vốn/tín dụng

Gói hỗ trợ về vốn/tín dụng của chính phủ bao gồm cho vay vốn, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi suất vay... đã được triển khai từ đầu năm 2020. Kết quả khảo sát cho thấy chỉ có 30,72% trong số 500 DN được hỏi đã tiếp cận được với các gói hỗ trợ về vốn/tín dụng của Chính phủ. Trong đó, ngành xây dựng có tỷ lệ DN tiếp cận được với gói hỗ trợ thuế cao nhất (45,45%) và thấp nhất là các DN trong ngành công nghiệp (25,45%) (bảng 19). Tương tự như các gói hỗ trợ thuế, các gói hỗ trợ vốn/tín dụng mặc dù cũng đã có giải ngân được cho doanh nghiệp nhưng tình trạng vẫn còn chậm có thể do những yêu cầu về thủ tục, chứng minh... đối với doanh nghiệp.

Tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận gói hỗ trợ về vốn/ tín dụng chia theo ngành (%)

	Công nghiệp	Trong đó, CBCT	Xây dựng	Dịch vụ	NLNN	Chung
Tiếp cận được	25.45	23.26	45.45	30.77	34.29	30.72
Không tiếp cận được	74.55	76.74	54.55	69.23	65.71	69.28
Cộng	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00

Nguồn: VCCI (08/2021)

Tương tự như gói hỗ trợ về thuế, trong số DNNN được khảo sát chỉ có khoảng 8% số DNNN tham gia khảo sát tiếp cận được gói hỗ trợ về tín dụng, còn tất cả DN FDI đều không tiếp cận được gói này. Như vậy, số DN tiếp cận được chủ yếu là DNTN. Tỷ lệ DN nhỏ tiếp cận được với gói hỗ trợ về vốn/tín dụng ở các DN nhỏ cao hơn các DN lớn, tương ứng gần 40% với

nhóm các DN dưới 50 lao động và 22,2% với nhóm các DN trên 500 lao động.

Tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận gói hỗ trợ về vốn, tín dụng còn thấp do vấn đề quá trình thực thi. Chính phủ chỉ đạo quyết liệt nhưng trong khâu thực thi tại cơ sở ở các cấp, các ngành và địa phương còn gặp phải nhiều vấn đề. Ngoài ra, do nguồn vốn gói tín dụng từ các ngân hàng thương mại nên Doanh nghiệp không thể đáp ứng đủ tiêu chuẩn tín dụng bình thường của ngân hàng để vay vốn trong thời điểm thị trường khó khăn hiện nay. Doanh nghiệp cũng chần chừ vì chưa thấy các chính sách và biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp bằng các khoản vay ưu đãi có tính chất dài hạn hơn, bảo lãnh tín dụng hay sự chia sẻ rủi ro tín dụng của chính phủ (ví dụ như Cam-pu-chia thành lập Quỹ đảm bảo tín dụng, và Chính phủ Singapore đảm bảo tới 90% rủi ro tín dụng cho các khoản vay của doanh nghiệp) cũng như chưa nhìn thấy sự bảo đảm phục hồi của nền kinh tế sau dịch Covid-19. Thêm vào đó, chưa có đánh giá các gói đã triển khai, phân tích được nguyên nhân vì sao các gói hỗ trợ vừa qua khó giải ngân để khắc phục; chưa có tham vấn với người dân và cộng đồng DN trong quá trình xây dựng chính sách, chưa thiết lập cơ chế phản hồi và chưa lắng nghe các ý kiến từ DN.

Tỷ lệ DN nhận được hỗ trợ về vốn/tín dụng chia theo ngành và mức độ đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp (%)

	Công nghiệp	Trong đó, CBCT¹⁸	Xây dựng	Dịch vụ	NLNN¹⁹	Chung
Đáp ứng một phần	20.00	18.60	36.36	26.92	28.57	25.49
Đáp ứng rất ít	5.45	4.65	9.09	3.85	2.86	4.58
Đáp ứng toàn bộ	0.00	0.00	0.00	0.00	2.86	0.65
Không áp dụng	74.55	76.74	54.55	69.23	65.71	69.28
Cộng	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00

Nguồn: VCCI (08/2021)

Về mức độ đáp ứng yêu cầu của DN đối với gói hỗ trợ về vốn/tín dụng, chỉ một tỷ lệ rất nhỏ (0,65%) là đáp ứng được toàn bộ yêu cầu của doanh nghiệp, còn lại 25,49% số DN cho biết chỉ mới đáp ứng được một phần và 4,6% cho biết chỉ đáp ứng được rất ít yêu cầu của DN, đó là các DN trong

¹⁸ Viết tắt: Công nghiệp chế biến chế tạo

¹⁹ Viết tắt: Nông lâm ngư nghiệp

ngành NLNN. Về mức độ tác động của gói hỗ trợ về vốn/tín dụng đối với doanh nghiệp, phần lớn là tác động ở mức trung bình (21,57% số DN) và thấp (5,88% số DN), chỉ có 3,27% số DN cho biết là có mức tác động cao. Tương tự gói hỗ trợ về thuế, ý kiến của các DN cho thấy phạm vi và mức độ tác động của gói hỗ trợ về vốn/tín dụng đối với DN vẫn còn rất hạn chế.

Tỷ lệ DN nhận được hỗ trợ về vốn/tín dụng chia theo ngành, mức độ tác động (%)

	Công nghiệp	Trong đó, CBCT	Xây dựng	Dịch vụ	NLNN	Chung
Cao	3.64	4.65	0.00	1.92	5.71	3.27
Thấp	5.45	4.65	9.09	5.77	5.71	5.88
Trung bình	16.36	13.95	36.36	23.08	22.86	21.57
Không áp dụng	74.55	76.74	54.55	69.23	65.71	69.28
Cộng	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00

Nguồn: VCCI (08/2021)

2.3. Gói hỗ trợ về an sinh

Gói hỗ trợ về an sinh đối với DN chủ yếu là cho DN vay vốn để trả lương cho người lao động, hỗ trợ người lao động, giảm và lùi thời gian đóng góp các quỹ về BHXH, BHTN, đóng quỹ công đoàn. Tính chung, chỉ có 23,53% số DN đã tiếp cận được với các gói hỗ trợ về an sinh xã hội (ASXH) của Chính phủ, thấp nhất trong 3 gói hỗ trợ. Trong đó ngành NLNN có tỷ lệ DN tiếp cận được với gói hỗ trợ về ASXH cao nhất (34,29%) và thấp nhất là các DN trong ngành xây dựng (18,18%) và công nghiệp CBCT (18,6%).

Tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận được với gói hỗ trợ về ASXH theo ngành (%)

	Công nghiệp	Trong đó, CBCT	Xây dựng	Dịch vụ	NLNN	Chung
Tiếp cận được	21.82	18.60	18.18	19.23	34.29	23.53
Không tiếp cận được	78.18	81.4	81.82	80.77	65.71	76.47
Cộng	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00

Nguồn: VCCI (08/2021)

Cũng tương tự như gói hỗ trợ về thuế và gói hỗ trợ về vốn/tín dụng, chỉ có 8% DNNN và 6,7% DN FDI tiếp cận được với gói hỗ trợ này, còn lại là gần 27% DNTN. Với gói này, tỷ lệ các DN lớn tiếp cận được cao hơn các DN nghiệp nhỏ, ví dụ, 31,03% với các DN có lao động từ 200-500 người, so với 18,75% đối với các DN có dưới 50 lao động. Nguyên nhân một phần là do biến động dịch thay đổi khó lường, hoạt động của DN theo đó cũng biến động theo từng đợt dịch bùng phát và kiểm soát dịch. Bên cạnh đó, các quy

định ví dụ như cho doanh nghiệp vay để trả lương cho NLĐ cũng không được như mong muốn của các DN, do điều kiện cho vay tương đối chặt, trong khi số tiền hỗ trợ thấp, nên nhiều DN khó tiếp cận hoặc một số doanh nghiệp ít quan tâm.

Trong số các DN tiếp cận được với gói hỗ trợ về ASXH, chỉ 9,15% số DN cho là tiếp cận dễ dàng, còn gần 17,0% cho là tiếp cận khó và rất khó. Tỷ lệ DN cho là tiếp cận dễ cao nhất là trong ngành NLNN (11,43%) và thấp nhất là trong ngành dịch vụ (5,77%). Với gói này, nhóm các DN lớn có tỷ lệ tiếp cận dễ cao hơn so với các DN vừa và nhỏ. Một số rào cản trong tiếp cận ASXH gồm khoảng cách giữa chính sách được ban hành và thực tiễn triển khai vẫn còn rất lớn. Thủ tục rườm rà, mất thời gian (Ghi nhận với gói an sinh lần 2 (Nghị quyết 68), BHXH đã cải tiến để giải quyết trong thời gian 01 ngày làm việc). Khó khăn trong xác định đối tượng được hưởng trên thực tế²⁰, cũng như điều kiện để nhận hỗ trợ còn gây khó²¹. Ngoài ra, việc tiếp cận thông tin các chính sách hỗ trợ còn khác nhau²².

Về mức độ đáp ứng yêu cầu của DN, kết quả khảo sát cho thấy chỉ một tỷ lệ rất nhỏ (1,13%) là đáp ứng được toàn bộ yêu cầu của doanh nghiệp, còn lại 17,65% số DN cho biết chỉ mới đáp ứng được 1 phần và 7,2% cho biết chỉ đáp ứng được rất ít yêu cầu của DN. Mức độ đáp ứng cao nhất là đối với các DN ngành xây dựng (27,3%) và thấp nhất là ngành Dịch vụ (13,5%) (bảng 25). Mức độ đáp ứng đối với các DN nhỏ cao hơn các DN lớn, tương ứng 29,17% đối với nhóm DN dưới 50 lao động so với 22,2% đối với nhóm DN trên 500 lao động. Về mức độ tác động của gói hỗ trợ về ASXH đối với doanh nghiệp, phần lớn là tác động ở mức trung bình (15,69% số DN) và thấp (7,84% số DN), chỉ có 2,61% số DN cho là có mức tác động cao.

Như vậy, có thể thấy phạm vi và mức độ tác động của gói hỗ trợ về ASXH đối với các DN còn rất hạn chế. So với hai gói hỗ trợ trên (về thuế và

²⁰ Ví dụ trong xác định chế độ hợp đồng lao động, thực tế nghỉ việc của người lao động, với Người sử dụng lao động là yêu cầu có doanh thu quý I năm 2020 giảm từ 20% trở lên so với quý IV năm 2019 hoặc doanh thu quý liền kề trước thời điểm đề nghị xét hưởng giảm 20% trở lên so với cùng kỳ năm 2019 (Nghị quyết 42 và Nghị quyết 154).

²¹ Ví dụ: Người sử dụng lao động có doanh thu quý I năm 2020 giảm từ 20% trở lên so với quý IV năm 2019 hoặc doanh thu quý liền kề trước thời điểm đề nghị xét hưởng giảm 20% trở lên so với cùng kỳ năm 2019 - Nghị quyết 42 và Nghị quyết 154).

²² Ví dụ theo quy mô DN: các doanh nghiệp tư nhân quy mô vừa hoặc lớn có xu hướng đánh giá thuận lợi hơn trong tiếp cận thông tin về các chính sách hỗ trợ, thì với các doanh nghiệp FDI lại có dấu hiệu ngược lại. Theo mã ngành sản xuất chi tiết cấp 2 thì các doanh nghiệp tư nhân trong các ngành như Sản xuất thiết bị điện, May mặc và Sản xuất cao su, nhựa là những ngành có tỷ lệ doanh nghiệp cho biết dễ tiếp cận các chính sách nhiều hơn. Theo vùng: doanh nghiệp tư nhân tại vùng Đồng bằng Sông Cửu Long có tỷ lệ cho biết dễ tiếp cận chính sách cao nhất.

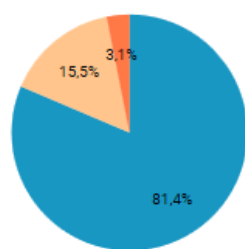
tín dụng) thì gói hỗ trợ về ASXH còn có phạm vi nhỏ hơn và mức độ tác động thấp hơn đối với các DN.

VCCI cũng đã thực hiện khảo sát nhanh đối với việc ban hành Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19. Kết quả khảo sát cho thấy có tới 81,4% HHDN và Liên minh HTX đồng ý với nhận định “Các nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết đưa ra sẽ giúp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh một cách hiệu quả”. Chỉ có khoảng 3% không đồng ý và 15% không bày tỏ ý kiến về nhận định này. Các HHDN và Liên minh HTX ở vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Hồng tỏ ra thận trọng hơn trong việc nhận định so với vùng còn lại. Các tổ chức ngành hàng và những tổ chức có phạm vi hoạt động trên phạm vi cả nước cũng là những nhóm thận trọng hơn trong mức độ kỳ vọng về Nghị quyết 105, song tỷ lệ tổ chức đồng ý cũng ở mức cao (trên 70%).

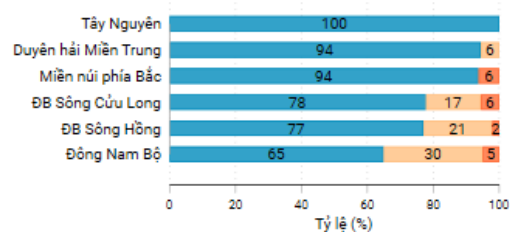
Đánh giá chung về các nhóm nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết 105

Nhìn chung, các giải pháp mà Nghị quyết đưa ra sẽ giúp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của DN-HTX-HKD một cách hiệu quả

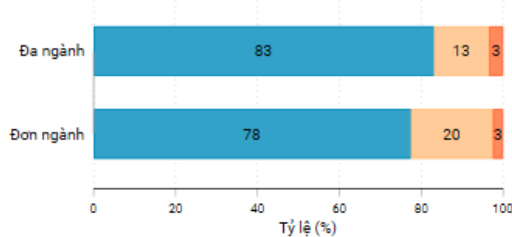
Chung



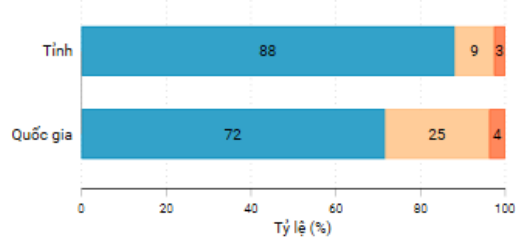
Theo vùng



Theo lĩnh vực



Theo phạm vi



Đồng ý Không có ý kiến Không đồng ý

Nhìn chung, tổng hợp các kết quả khảo sát của VCCI đánh giá về việc thực hiện chính sách hỗ trợ của Chính phủ qua từng giai đoạn cho thấy:

(i) Một số chính sách như gia hạn đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, gia hạn đóng thuế giá trị gia tăng nhìn chung dễ tiếp cận hơn cả. Việc vay lãi

suất 0% trả lương cho người lao động được đánh giá là chính sách khó tiếp cận nhất. Phân theo khu vực kinh tế, doanh nghiệp tư nhân quy mô vừa hoặc lớn có xu hướng đánh giá việc tiếp cận các chính sách thuận lợi hơn.

(ii) Về tính hữu ích của các chính sách, có ba chính sách được các doanh nghiệp đánh giá cao nhất bao gồm gia hạn đóng thuế giá trị gia tăng, gia hạn đóng thuế thu nhập doanh nghiệp và gia hạn nộp tiền thuê đất. Dù các doanh nghiệp cho biết khó tiếp cận chính sách vay lãi suất 0% để trả lương cho người lao động, nhưng các doanh nghiệp vẫn đánh giá cao sự cần thiết của chính sách này. Kết quả khảo sát phản ánh những doanh nghiệp nào dễ tiếp cận thông tin về chính sách hỗ trợ hơn, thì có xu hướng đánh giá mức độ hữu ích của chính sách cao hơn. Doanh nghiệp đánh giá đồng thuận ở mức độ cao đối với các nhóm giải pháp đưa ra tại nghị quyết mới nhất (Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 9 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19). Điều này chứng tỏ các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đã tiếp cận gần hơn với thực tiễn của doanh nghiệp.

(iii) Nhiều ý kiến của các doanh nghiệp, HHDN cho rằng các gói hỗ trợ doanh nghiệp đa số mang tính hình thức, kém hiệu quả hoặc thậm chí không khả thi; chính sách giảm thuế thu nhập cho doanh nghiệp nhỏ và vừa không giúp được gì cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng, thua lỗ; các doanh nghiệp đã từng lập hồ sơ vay vốn ưu đãi theo chính sách hỗ trợ cho vay vốn ưu đãi lãi suất thấp để trả lương cho người lao động năm 2020 đều không muốn tiếp tục vay gói hỗ trợ này vì thủ tục quá nhiều khâu, trong khi số tiền được phép vay không nhiều. Cần tổ chức đánh giá chi tiết hơn về tính hiệu quả của các gói hỗ trợ này.

3. Một số bài học kinh nghiệm rút ra trong công tác phòng chống dịch

Công tác triển khai phòng chống dịch thời gian qua có nhiều thay đổi so với giai đoạn trước đây, đòi hỏi không chỉ các cấp lãnh đạo từ trung ương đến địa phương mà các doanh nghiệp cũng cần phát huy tính chủ động, đổi mới sáng tạo các phương thức vừa phòng chống dịch vừa sản xuất đảm bảo an toàn, hiệu quả. Một số kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn công tác phòng chống dịch, đặc biệt trong giai đoạn dịch bùng phát mạnh từ tháng 04/2021 đến nay đối với doanh nghiệp cũng như chính quyền địa phương các cấp:

- Để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện các đơn hàng đã ký, doanh nghiệp cần chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó với

tình hình diễn biến của dịch. Việc thực hiện “3 tại chỗ” là khả thi và phát huy tác dụng trong một thời gian nhất định. Để mô hình này phát huy hiệu quả, doanh nghiệp cần cân nhắc và đánh giá kỹ lưỡng trước khi quyết định triển khai “3T”²³; tham khảo cơ quan chức năng tại địa phương về các quy định phòng chống dịch của địa phương; đảm bảo sự đồng thuận của người lao động; chuẩn bị kế hoạch ứng phó với tình huống có ca lây nhiễm trong quá trình thực hiện 3T.

- Lãnh đạo doanh nghiệp cần nêu cao tinh thần chịu trách nhiệm đối với việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện dịch bệnh, thể hiện tính cam kết của doanh nghiệp với chính quyền địa phương trong việc đảm bảo an toàn trong sản xuất, chuẩn bị kế hoạch ứng phó với tình huống có ca lây nhiễm trong quá trình thực hiện 3T.

- Cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam cần tăng cường hơn nữa tính đoàn kết, tương trợ, đặc biệt trong giai đoạn khó khăn. Các doanh nghiệp cần tăng kết nối, hợp tác với các doanh nghiệp trong địa phương; liên kết, hỗ trợ nhau giữa các doanh nghiệp trong cùng vùng kinh tế trong việc sử dụng, tiêu thụ sản phẩm của nhau, tận dụng thế mạnh của mỗi doanh nghiệp để duy trì chuỗi cung ứng, giảm dần sự lệ thuộc vào nguồn cung bên ngoài. Đây là một trong những giải pháp quan trọng, thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, tăng sức chống chịu của doanh nghiệp Việt và nền kinh tế nói chung trong bối cảnh khó khăn, khủng hoảng.

- Việc xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 cần xuất phát từ thực tiễn hoạt động, nhu cầu của doanh nghiệp; việc triển khai chính sách cần đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng tinh giản, linh hoạt, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, tạo điều kiện thuận lợi tối đa để doanh nghiệp được tiếp cận và hưởng lợi từ chính sách.

- Việc thực hiện các chính sách cấp bách phục vụ công tác phòng chống dịch cần tính tới yếu tố thời gian và có sự cân nhắc kỹ lưỡng trong phương

²³ Tổ chức Lao động Thế giới (ILO) tại Việt Nam (8/2021), “10 bài học kinh nghiệm triển khai “3 tại chỗ” đối với doanh nghiệp sản xuất trong làn sóng dịch Covid-19 lần thứ tư”. 3T sẽ giúp doanh nghiệp duy trì được sản xuất, đáp ứng yêu cầu đơn hàng và duy trì chuỗi cung ứng sản phẩm và dịch vụ. Tuy nhiên việc thực hiện 3T đòi hỏi nguồn lực rất lớn cũng như năng lực tổ chức của doanh nghiệp để chuyển đổi công năng nhà xưởng thành khu vực ăn ở, vệ sinh cho người lao động, duy trì dòng nguyên vật liệu ra vào nhà xưởng trong khi vẫn đảm bảo người lao động được cách ly hoàn toàn với bên ngoài. Và cho dù với mức độ đầu tư và sự cân trọng cao đến đâu thì vẫn có nguy cơ lây nhiễm và doanh nghiệp phải đóng cửa. Doanh nghiệp nên cân nhắc kỹ các yếu tố trên trước khi quyết định thực hiện 3T.

thực thực hiện, có tính đến các yếu tố tác động đến đời sống sinh hoạt của người dân, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo để các đối tượng bị tác động có sự chuẩn bị, điều chỉnh phù hợp theo quy định mới, tránh tình trạng văn bản vừa ban hành đã áp dụng ngay sau đó, khiến người dân, doanh nghiệp bị động, lúng túng. Từ thực tế này, việc có sự tham gia của đại diện các doanh nghiệp vào các Ban chỉ đạo/Tổ công tác phòng chống dịch Covid-19 tại các cấp địa phương là hết sức cần thiết trong việc đảm bảo thực hiện “mục tiêu kép”.

- Lãnh đạo chính quyền địa phương các cấp cần phát huy hơn nữa tính năng động, sáng tạo và linh hoạt trong việc thực hiện và điều chỉnh phương thức phòng chống dịch dựa theo tình hình thực tiễn diễn biến dịch bệnh tại địa phương, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc chỉ đạo cơ bản của Chính phủ, các bộ, ngành. Thực tế cho thấy, nhiều địa phương đã thể hiện tốt khả năng ứng phó trong công tác phòng chống dịch đi đôi với việc đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế (như Bắc Giang, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng...).

- Chính quyền địa phương các cấp cần thống nhất cách thức quản lý, triển khai tại địa phương và với các địa phương khác trong vùng kinh tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc vừa tuân thủ quy định phòng dịch vừa đảm bảo duy trì hoạt động trong điều kiện “bình thường mới”.

III. NHỮNG ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ VỀ GIẢI PHÁP KHÔI PHỤC KINH TẾ, KHÔI PHỤC SẢN XUẤT – KINH DOANH TRONG ĐIỀU KIỆN BÌNH THƯỜNG MỚI

1. Các nguyên tắc, giải pháp quan trọng cần đồng thuận trong thời gian tới

Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, đề ra 12 yêu cầu cụ thể đề nghị các bộ, ngành gấp rút thực hiện ngay từ tháng 9 này thể hiện sự quyết liệt, kịp thời của Chính phủ trong khôi phục và phát triển kinh tế. Bối cảnh và tình hình dịch bệnh đã khác giai đoạn trước đây. Tại cuộc họp ngày 29/8/2021 Thủ tướng đã xác định quan điểm *"Phải sống chung lâu dài với dịch bệnh, không thể không chế tuyệt đối, phải thích ứng và có cách làm phù*

hợp". Đây là quan điểm mới, phù hợp với quan điểm của Tổ chức Y tế thế giới và nhiều quốc gia trong phòng chống đại dịch, mở cửa nền kinh tế trong điều kiện bình thường mới.

Kết luận cuộc họp Ban chỉ đạo Quốc gia Phòng chống dịch Covid-19 ngày 23/9/2021, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã nhấn mạnh “tình hình thay đổi thì nhiệm vụ thay đổi”. Việc tổ chức thực hiện, lãnh đạo, chỉ đạo phải thay đổi; cần thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh trên cơ sở 6 nguyên tắc chính: (1) Y tế là trụ cột, là trung tâm; (2) Kinh tế là cơ sở, là nền tảng; (3) Dữ liệu khoa học, công nghệ là then chốt; (4) Ổn định chính trị-xã hội là trọng yếu và thường xuyên; (5) Vắc-xin, thuốc chữa bệnh và ý thức người dân là điều kiện tiên quyết; (6) An toàn để sản xuất, sản xuất phải an toàn.

Dựa trên những chỉ đạo xương sống về công tác phòng chống dịch và phục hồi, phát triển kinh tế như trên, để triển khai công tác phòng chống dịch đi đôi với phục hồi, phát triển kinh tế trong điều kiện “bình thường mới”, các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 cần được xây dựng, thiết kế dựa trên một số nguyên tắc sau:

(i) Cần đồng thuận của cả xã hội về việc “Sống chung với dịch bệnh”, cân bằng mục tiêu chống dịch và chống suy sụp kinh tế. Duy trì kinh tế được hiểu là để đảm bảo nguồn lực phòng chống dịch một cách bền vững.

(ii) Trách nhiệm của các địa phương (cũng như trung ương) không chỉ là kiểm soát dịch, mà cả phục hồi kinh tế.

(iii) Nguyên tắc thực hiện: Trung ương ban hành chính sách rõ ràng, đồng bộ và thống nhất; các tỉnh, thành phố thực thi phù hợp với tình hình địa phương. Ví dụ, Trung ương đưa ra các mức giãn cách theo các tiêu chí dịch tễ; địa phương dựa vào tình hình để lựa chọn mức độ phù hợp, và thực thi hiệu quả.

(iv) An toàn cần hiểu là tương đối chứ không phải tuyệt đối. Không phải có trường hợp F0 là phong tỏa cả vùng lớn, không phải có F0 là buộc cả Khu Công nghiệp hay doanh nghiệp lớn phải ngừng hoạt động (Phó Thủ tướng Lê Văn Thành đã kết luận điều này tại phiên họp ngày 20/9).

(v) Sống chung và thích ứng với dịch trong giai đoạn tới. Bóc tách F0 nhưng không được ngừng hoạt động (Hiện nay cơ quan nhà nước có F0, bệnh

viện có F0 nhưng không ngừng hoạt động...). Sẵn sàng các giải pháp và kịch bản y tế.

(vi) Chống lại tư duy quản lý bằng mệnh lệnh hành chính, giấy phép con, tùy tiện cấm đoán đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

(vii) Doanh nghiệp cũng cần ý thức tự điều chỉnh hoạt động, chính sách cho hoạt động trở lại bình thường bên cạnh sự hỗ trợ của Nhà nước.

Với cách tiếp cận này, VCCI đề nghị đổi tên các “Ban Chỉ đạo Phòng chống dịch Covid 19” thành “Ban Chỉ đạo Phòng chống dịch Covid 19 và Phục hồi kinh tế” nhằm đảm bảo truyền tải thông điệp “Cần nguồn lực để phòng chống dịch lâu dài” và “Phòng chống dịch chính là vì mục tiêu phát triển kinh tế”.

Bên cạnh đó, trong các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cần xác định các ngành, lĩnh vực ưu tiên áp dụng chính sách hỗ trợ để nguồn lực được tập trung và phát huy hiệu quả trong thời gian ngắn nhất. Một số ngành có thể là động lực phục hồi kinh tế như: ngành công nghiệp truyền thống, sử dụng nhiều lao động (dệt may, da giày, chế biến thủy hải sản...), công nghiệp phụ trợ, logistics, đầu tư hạ tầng công nghệ số và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số doanh nghiệp. Đồng thời, thúc đẩy giải ngân đầu tư công đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông để tận dụng cơ hội tăng tính liên kết vùng kinh tế... Có thể xem xét không hỗ trợ miễn/giảm một số loại thuế, phí, giãn nợ đối với một số ngành nghề không/ít bị ảnh hưởng, không phải tạm dừng do dịch bệnh (ví dụ như các sàn thương mại điện tử, công ty công nghệ, dịch vụ bưu chính – viễn thông...).

Để các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ thực sự phát huy hiệu quả, việc xây dựng và thực thi chính sách cần được xác định theo cấp độ và lộ trình thực hiện, như: các giải pháp mang tính cấp bách, cần thực hiện ngay; giải pháp hỗ trợ phục hồi và giải pháp mang tính tái cấu trúc, phát triển bền vững về trung và dài hạn.

Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, ổn định và phát triển trong điều kiện “bình thường mới” cần hướng tới mục tiêu: tái kết nối ổn định chuỗi cung ứng, tăng cường liên kết vùng; hỗ trợ thanh khoản, tín dụng chi phí thấp; chia sẻ gánh nặng chi phí phát sinh do tái tổ chức sản xuất; hạn chế sa thải lao động; tăng khả năng tự phục hồi của hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; kích đầu tư, kích cầu tiêu

dùng. Các chính sách liên quan đến hỗ trợ giảm, miễn một số loại thuế, phí, giãn nợ, phục hồi chuỗi cung ứng, mở rộng cơ chế để kích thích đầu tư và môi trường kinh doanh, kích cầu tiêu dùng là những chính sách mang tính cấp bách, cần thực hiện ngay.

2. Các giải pháp cấp bách, trước mắt

2.1. Về công tác y tế, phòng chống dịch

- Đề nghị Chính phủ sớm xem xét, sửa đổi bổ sung các quy định về phòng chống dịch trong tình hình mới. Trong thời gian vừa qua, các địa phương trong cả nước đã thực hiện hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành về phòng chống dịch Covid-19, tiêu biểu như Chỉ thị 15, 16, 19; các quyết định của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống dịch Covid-19. Theo quan điểm “sống chung lâu dài với dịch bệnh, cần thích ứng và có cách làm phù hợp”, việc ban hành các chỉ thị, nghị quyết và cơ chế chính sách mới phù hợp với tình hình và bối cảnh mới để công tác phòng chống đại dịch đạt hiệu quả cao, không bị cản trở bởi các quy định cũ là hết sức cần thiết và cấp bách.

- Kiến nghị Bộ Y tế có hướng dẫn các địa phương thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo "điểm", theo "phạm vi hẹp" thay cho khu vực địa lý để bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí, giảm thiệt hại cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế. Doanh nghiệp cũng đề xuất với Chính phủ và chính quyền địa phương giao toàn quyền cho doanh nghiệp chịu trách nhiệm về bảo đảm an toàn tại nơi làm việc từ phòng chống dịch, xét nghiệm, tiêm vắc xin, lựa chọn các mô hình phòng chống dịch hiệu quả, phù hợp với từng doanh nghiệp... trên cơ sở các quy định, tiêu chí chung, thống nhất của Nhà nước và hướng dẫn của các ngành chức năng.

- Kiến nghị Bộ Y tế hoàn thiện Bộ quy tắc phòng chống dịch và tổ chức huấn luyện cho các địa phương và các doanh nghiệp thực hiện "Y tế tại chỗ" trên cơ sở sử dụng tổ y tế, phòng y tế của DN; tiến hành đánh giá hiệu quả để tiếp tục hoàn thiện/thay đổi các mô hình sản xuất an toàn như “3 tại chỗ”, “1 cung đường 2 địa điểm” do một số bất cập không thể bền vững trong thời gian dài; đề xuất áp dụng *công thức “7K+3T”* Trong đó 7K bao gồm: "Khẩu trang - Khoảng cách - Khử khuẩn - Không tụ tập - Khai báo y tế - Không khí trong lành - Khỏe mạnh" và 3T là: "Tự phát hiện - Tự cách ly - Tự chăm sóc".

- Liên quan đến chiến lược phủ rộng vắc-xin, đề nghị chính quyền địa phương có chính sách ưu tiên, hỗ trợ người lao động tiêm vắc-xin đầy đủ, tạo điều kiện cho lao động di chuyển liên tỉnh để phục vụ công việc.

- Vận động các doanh nghiệp FDI xây dựng cơ chế tương hỗ vắc-xin giữa công ty mẹ ở chính quốc có nguồn vắc-xin với doanh nghiệp FDI để có thêm nguồn cung vắc-xin, đảm bảo chuỗi sản xuất; địa phương bảo trợ thủ tục pháp lý, tiêu chuẩn chất lượng vắc-xin với cơ quan chức năng. Về lâu dài, xây dựng cơ chế để doanh nghiệp tự cung ứng vắc-xin cho chính mình dưới sự hỗ trợ, quản lý của cơ quan quản lý nhà nước. Sắp tới, khi các nguồn vắc-xin dồi dào hơn, các địa phương xem xét đề xuất với Chính phủ cho phép có những cơ chế linh hoạt để doanh nghiệp có thể lựa chọn vắc-xin, những doanh nghiệp có nhu cầu có thể chủ động hơn trong việc tiêm vắc-xin, chọn loại vắc-xin được tiêm và chịu chi phí cho việc lựa chọn này.

- Đề nghị Bộ Y tế sớm ban hành văn bản hướng dẫn cho doanh nghiệp tự mua sinh phẩm tự xét nghiệm và công nhận kết quả xét nghiệm; cho các tổ chức y tế được phép bán bộ kit xét nghiệm theo giá cạnh tranh, kiểm soát giá như mặt hàng cần bình ổn giá hoặc được Nhà nước trợ giá theo Luật giá.

- Lao động đang là vấn đề lớn của các doanh nghiệp trong việc duy trì, khôi phục sản xuất kinh doanh. Sau thực hiện giãn cách xã hội, giảm năng lực sản xuất, rất nhiều lao động của các doanh nghiệp đã trở về địa phương và nơi cư trú. Mặc dù tại các thành phố lớn như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh người dân đã được tiêm vắc-xin chiếm tỷ lệ rất cao, tuy nhiên việc đi lại của người dân, người lao động đang gặp khó khăn, cản trở, nhất là đi lại giữa các địa phương dẫn tới tình trạng doanh nghiệp thiếu nghiêm trọng lực lượng lao động. Đề nghị các Bộ Y tế, Bộ Thông tin & Truyền thông khẩn trương hoàn thiện hệ thống “Thẻ xanh Covid-19”, thống nhất sử dụng 1 nền tảng/ứng dụng, liên thông dữ liệu giữa các bộ, ngành liên quan để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân sử dụng, trong đó, lưu ý tích hợp/liên thông dữ liệu giữa hệ thống quản lý thẻ xanh trong nước với “hộ chiếu vắc-xin”, tạo thuận lợi cho đối tượng chuyên gia, lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Đề nghị sửa đổi Nghị định 152/NĐ-CP theo hướng tạo điều kiện cho nhà quản lý, chuyên gia. Trước mắt, đề nghị không cần thủ tục xác nhận từ nước ngoài đối với trường hợp người lao động đã được cấp giấy phép lao động trước đây, nay gia hạn hoặc cấp mới. Người nhập cảnh trong thời gian

này vẫn cần cách ly bắt buộc, tuy nhiên thủ tục nhập cảnh cần điều chỉnh theo hướng đơn giản hóa hơn, vì thực tế rủi ro lây nhiễm trong nước hiện đã cao hơn so với một số vùng lãnh thổ trên thế giới đặc biệt là châu Âu. Đối với các tỉnh phía Nam như TP.HCM, Bình Dương, Đồng Nai, có thể chấp thuận nhập cảnh bình thường (nếu thỏa mãn yêu cầu nhập cảnh), nhưng để giảm tải cho hạ tầng cách ly và rủi ro lây nhiễm, Chính phủ có thể cân nhắc cho phép cách ly y tế bắt buộc ở địa phương khác nơi có số ca lây nhiễm ít hơn (hoặc địa phương đang thí điểm mở cửa du lịch).

2.2. Về các giải pháp đảm bảo duy trì sản xuất – kinh doanh an toàn, liên tục

- Với việc thay đổi chiến lược từ “Zero Covid” sang thực hiện “mục tiêu kép trong điều kiện mới”, cách tiếp cận trong các biện pháp kiểm soát dịch bệnh có lẽ cũng cần được thay đổi. Cụ thể, đề xuất Chính phủ, các Bộ ngành, địa phương, khi thực hiện các biện pháp kiểm soát dịch cần chuyển từ phương pháp “Chọn – Cho” hiện nay (chỉ có phép làm các việc A-B-C, còn lại không cho làm) sang phương pháp “Chọn – Bỏ” (ngoài các việc X-Y-Z phải được thực hiện theo yêu cầu kiểm soát dịch, tất cả các việc khác được phép thực hiện bình thường, miễn là bảo đảm yêu cầu 5K).

- Đề nghị Bộ Y tế phối hợp với các bộ ngành liên quan xây dựng Bộ Tiêu chí chung về sản xuất an toàn thời dịch bệnh (không chỉ Covid-19) để các doanh nghiệp, địa phương nghiên cứu, vận dụng vào tình hình thực tế. Khuyến khích các địa phương, doanh nghiệp nghiên cứu, đề xuất các mô hình mới, hiệu quả phù hợp với xu hướng mở cửa, khôi phục lại nền kinh tế. Chẳng hạn mô hình của Thái Lan về mở cửa du lịch "Phuket Sandbox", về duy trì sản xuất cùng dịch bệnh "Factory Sandbox" là các mô hình tốt mà Việt Nam có thể vận dụng, học tập.

- Vận chuyển, lưu thông hàng hóa thông suốt là điều kiện quan trọng của sản xuất an toàn, liên tục, khắc phục gián đoạn, đứt gãy chuỗi cung ứng. Trong khi chờ Bộ Giao thông – Vận tải hướng dẫn quy định về giao nhận, vận tải trong điều kiện phòng chống dịch Covid-19, các doanh nghiệp kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các địa phương bãi bỏ ngay các quy định riêng của các địa phương về hạn chế, kiểm tra, kiểm soát vận tải hàng hóa giữa các vùng, chỉ kiểm tra tại các điểm giao nhận hàng hóa; không phân biệt

hàng hóa thiết yếu; lái xe chỉ cần xét nghiệm âm tính, tuân thủ 5K và các biện pháp an toàn khác.

- Các địa phương cần chủ động nghiên cứu giải pháp hỗ trợ cho các doanh nghiệp tại địa phương thu hút lực lượng lao động quay trở lại làm việc trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, các cơ sở sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; chủ động xây dựng phương án hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động từ các địa phương khác trở về.

- Đề nghị chính quyền địa phương có phương án hỗ trợ (địa điểm, một phần chi phí) để các nhà máy, cụm nhà máy, khu công nghiệp, khu chế xuất lập các cơ sở lưu trú, lập các trạm y tế tại chỗ hoặc lưu động để triển khai công tác phòng chống dịch.

- Đề nghị Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội xem xét phương án điều chỉnh, trình cơ quan có thẩm quyền cho phép nâng giới hạn làm thêm giờ để đáp ứng các yêu cầu riêng của các mô hình bong bóng sản xuất và để đáp ứng nhu cầu tăng năng suất lao động, phục vụ trả đơn hàng đúng hạn sau thời gian dài sản xuất bị đình trệ.

- Xây dựng phương án hỗ trợ đào tạo lao động phù hợp và hỗ trợ người lao động bị thôi việc, mất việc làm do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Triển khai các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho người lao động; thực hiện có hiệu quả các giải pháp hoàn thiện, phát triển thị trường lao động; nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, hoạt động sản giao dịch việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm. Giải quyết kịp thời các thủ tục liên quan đến chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động nhằm giảm thiểu các vụ đình công, lãn công của người lao động; chủ động phối hợp với các doanh nghiệp để tuyên truyền, động viên tinh thần của người lao động vượt qua khó khăn của đại dịch Covid-19.

- Cần lan tỏa và nhân rộng được các mô hình, cách làm tốt trong việc ứng phó với đại dịch Covid-19. Đối với các bộ, ngành, chính quyền địa phương, đó là kinh nghiệm trong việc triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Đối với các hiệp hội doanh nghiệp, cần chia sẻ được cách thức ứng phó hiệu quả dịch Covid-19 từ những doanh nghiệp đã tồn tại và phát triển được trong bối cảnh khó khăn của đại dịch Covid-19, nhất là những bài học về lựa chọn thị trường, đối tác, quan hệ kinh doanh, về đầu tư xây

dựng “nội lực” cốt lõi của doanh nghiệp để tăng khả năng chống chịu với các cú sốc.

2.3. Về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Bộ Giao thông Vận tải và các bộ ngành liên quan khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện miễn, giảm các loại thuế, phí, tiền điện, nước và các biện pháp đã nêu trong Nghị quyết 105/NQ-CP; kiểm tra tiến độ và hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất ngân hàng, gia hạn nợ, miễn, giảm các loại thuế, phí, tiền điện, nước cho các DN, HTX, hộ kinh doanh bị ảnh hưởng nặng bởi dịch bệnh; miễn, giảm, hỗ trợ liên quan đến BHXH...

- Các gói cứu trợ cần đủ lớn và kịp thời để nắm bắt được thời cơ phục hồi. So sánh quy mô các gói hỗ trợ của Chính phủ một số nước trong khu vực năm 2020²⁴, các gói hỗ trợ của Việt Nam còn khá khiêm tốn so với quy mô nền kinh tế. Với GDP ước tính năm 2020 của Việt Nam là gần 6,3 triệu tỷ, các gói hỗ trợ của Chính phủ có thể mở rộng đến 4% GDP, tương đương 250.000 tỷ.

- Chính phủ cần lập một quỹ bảo đảm cho vay doanh nghiệp, như vậy, điều kiện cho vay có thể được nói lỏng, doanh nghiệp có khả năng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp một cách dễ dàng hơn.

- Để có thể hỗ trợ tín dụng hiệu quả cho doanh nghiệp, đề nghị Ngân hàng Nhà nước tiếp tục có những chính sách hỗ trợ mạnh hơn như nới hạn mức tín dụng; miễn giảm, vay ưu đãi lãi suất thấp để dự trữ nguyên liệu, hàng hóa, nhất là đối với các doanh nghiệp lương thực, thực phẩm, doanh nghiệp sản xuất vật tư tiêu hao phục vụ ngành y tế; nâng hạn mức định tài sản thế chấp để tăng giá trị vốn vay lưu động từ 70% lên mức cao hơn, có thể ở mức 80 - 85%. Khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh là khu vực bị tổn thương nặng nề vì dịch bệnh nhưng rất khó tiếp cận các khoản vay, vì vậy Chính phủ và các địa phương cần thúc đẩy mạnh hơn việc thực hiện cho các đối tượng này được

²⁴ Theo số liệu thống kê của Quỹ tiền tệ thế giới (IMF) năm 2021, Singapore là nước thực hiện gói hỗ trợ rất lớn cho hoạt động duy trì và phục hồi kinh tế, chiếm đến 20,7% GDP năm 2020 của nước này, tỷ lệ này ở Thái Lan là 12,4%, Indonesia 5,4%, Philippines 3,6%, bao gồm các khoản chi bổ sung, cho vay và bảo lãnh.

vay và huy động vốn dưới hình thức các Quỹ bảo lãnh tín dụng, Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ khởi nghiệp.

- Đề nghị Chính phủ xem xét bổ sung gói hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp, nhất là các DN NVV với mức độ khoảng 4%/năm so với lãi suất thị trường từ nguồn ngân sách nhà nước, tập trung vào các ngành, lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh như du lịch, hàng không, vận tải, y tế, giáo dục đào tạo...

- Đề nghị rà soát, xem xét lại các kiến nghị về miễn, giảm, giãn, hoãn các khoản thuế, phí đã được VCCI, các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp kiến nghị rất nhiều lần, nhất là các khoản thuế, phí sau đây có liên quan và tác động lớn đến chi phí của nhiều doanh nghiệp: (i) Ngoài việc thực hiện miễn nộp phí công đoàn cho đoàn cho người lao động, giảm phí công đoàn cho doanh nghiệp năm 2021, 2022 theo Nghị quyết 105/NQ-CP, đề nghị sớm thực hiện sửa đổi Luật Công đoàn theo hướng giảm phí công đoàn doanh nghiệp phải nộp ít nhất 50% so với quy định hiện hành; (ii) Doanh nghiệp đề xuất cần có mức giảm thuế TNDN, thuế VAT, tiền thuê đất ở mức cao hơn so với mức hỗ trợ giảm 30% như hiện nay lên mức 50%. Nghiên cứu, xem xét giảm mức thuế VAT từ 10% xuống 5% trong năm 2021, 2022. Đây là các mức giảm đủ mạnh để hỗ trợ doanh nghiệp vượt khó, ổn định và khôi phục sản xuất – kinh doanh, trong điều kiện các biện pháp hỗ trợ trực tiếp không nhiều.

- Với các doanh nghiệp đóng ở địa phương chỉ hỗ trợ một phần chi phí xét nghiệm cho người lao động và các chi phí phòng chống dịch (bao gồm cả chi phí cách ly cho chuyên gia), đề nghị Bộ Tài chính cho phép doanh nghiệp được khấu trừ vào chi phí doanh nghiệp hoặc phí công đoàn, phí BHXH; không tính thuế thu nhập cá nhân đối với các khoản chi phụ cấp chống dịch.

- Kiến nghị Bộ Tài chính xem xét việc quy định thực hiện miễn, giảm thuế cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo hướng giảm thiểu các thủ tục hành chính không cần thiết, cân nhắc hỗ trợ doanh nghiệp theo tiêu chí sụt giảm về doanh thu và người lao động, mở rộng đối tượng doanh nghiệp được hỗ trợ để đảm bảo công bằng, xem xét bổ sung các chính sách hỗ trợ giảm 50% các khoản nộp BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, kiến nghị Bộ Tài chính, các cơ quan hữu quan rà soát tất cả các loại phí, lệ phí đang áp dụng để có biện pháp miễn, giảm các loại phí, lệ phí này hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp trong giai đoạn hậu đại dịch Covid-19.

- Chỉ đạo các Bộ ngành, địa phương tăng ít nhất 30% số lượng các thủ tục hành chính liên quan tới doanh nghiệp được thực hiện theo phương thức điện tử, không tiếp xúc; rút ngắn 1/3 các thời hạn quy định cho các thủ tục này.

- Đề nghị Chính phủ có chính sách hỗ trợ một phần các chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra trong công tác phòng chống dịch bệnh dưới hình thức hỗ trợ trực tiếp hoặc cho phép chuyển đổi các chi phí của doanh nghiệp đã bỏ ra trong quá trình duy trì sản xuất kinh doanh giai đoạn phòng chống dịch Covid-19, nhất là giai đoạn giãn cách thực hiện Chỉ thị 16/CT-TTg thành khoản kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, được khấu trừ trong các khoản nộp ngân sách kỳ tiếp theo. Thực tế, các doanh nghiệp sản xuất theo phương án “3 tại chỗ” đang gặp khó khăn trong việc hạch toán các chi phí phát sinh khi thực hiện “3 tại chỗ” vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp. Các chi phí phát sinh khi thực hiện “3 tại chỗ” trong khi thực hiện giãn cách, “ai ở đâu thì ở đó” nhiều khi không thể có hóa đơn, chứng từ như khi điều kiện bình thường (mua đồ sinh hoạt, ăn uống...), việc duy trì sản xuất “3 tại chỗ” trong thời gian dài thì các khoản chi phí không có giấy tờ hóa đơn là không nhỏ. Do đó, đề xuất cơ quan thuế, xem xét hướng dẫn cho doanh nghiệp hạch toán các khoản chi phí phát sinh trong thời kỳ này mà có lý do hợp lý không thể có hóa đơn, chứng từ như quy định là chi phí hợp lý. Có thể sử dụng bảng kê chi phí tương tự như trong mua bán hàng hóa nông sản làm chứng từ. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật khi các cơ quan liên quan thực hiện hậu kiểm.

- Kiến nghị Chính phủ xem xét hỗ trợ hoặc điều chỉnh một số chi phí sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo hướng giảm như: điều chỉnh mức hỗ trợ lên 100% kinh phí khi doanh nghiệp tham gia thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại trong nước, chương trình về xúc tiến thương mại điện tử từ NSNN; điều chỉnh giá một số yếu tố đầu vào theo hướng giảm cho doanh nghiệp (giá điện áp dụng cho các cơ sở lưu trú du lịch ngang bằng giá điện sản xuất...), lùi thời điểm tăng giá thuê đất phục vụ sản xuất kinh doanh, điều chỉnh điều kiện miễn phí, giảm phí và

cho nợ phí bảo trì đường bộ đối với phương tiện vận tải hành khách dừng hoạt động trong thời gian dịch bệnh Covid-19.

- Xây dựng phương án hỗ trợ đào tạo lao động phù hợp và hỗ trợ người lao động bị thôi việc, mất việc làm do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Triển khai các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho người lao động; thực hiện có hiệu quả các giải pháp hoàn thiện, phát triển thị trường lao động; nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, hoạt động sản giao dịch việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm. Giải quyết kịp thời các thủ tục liên quan đến chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động nhằm giảm thiểu các vụ đình công, lãn công của người lao động; chủ động phối hợp với các doanh nghiệp để tuyên truyền, động viên tinh thần của người lao động vượt qua khó khăn của đại dịch Covid-19.

2.4. Về chính sách hỗ trợ một số ngành, địa phương, lĩnh vực đặc thù

- Bảo đảm vùng nguyên liệu và nguồn nguyên liệu an toàn cho sản xuất và cung ứng lương thực thực phẩm thiết yếu cho Tp. Hồ Chí Minh và xuất khẩu khi kiểm soát được dịch bệnh Covid-19. Hiện nay, tất cả các nguồn nguyên liệu đầu vào phục vụ cho việc sản xuất của các doanh nghiệp trong ngành lương thực thực phẩm và cung ứng cho người dân Tp. Hồ Chí Minh và sản xuất để xuất khẩu đều lệ thuộc vào nguồn nguyên, phụ liệu đến từ các tỉnh, nhất là 19 tỉnh thành phía Nam. Bất cứ một sự đứt gãy nào đều sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người dân thành phố và sản xuất xuất khẩu các mặt hàng chế biến từ lương thực thực phẩm.

Đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quan tâm chỉ đạo xuyên suốt, đồng bộ, yêu cầu các tỉnh đặt hoạt động sản xuất nông nghiệp là thiết yếu, cần được ưu tiên, tạo mọi điều kiện duy trì sản xuất trong bối cảnh dịch đang diễn biến phức tạp và kéo dài để không bị đứt gãy nguồn cung trong thời gian tới, bởi một số địa phương chưa đánh giá đúng mức độ của hoạt động sản xuất nông nghiệp trong khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

- Liên quan đến việc nhập khẩu các mặt hàng y tế thiết yếu, đề xuất Tổng cục Hải quan xem xét có cơ chế hải quan ưu tiên, đáp ứng kịp thời yêu cầu thông quan đối với các doanh nghiệp nhập khẩu hàng thiết yếu như thuốc, vắc-xin, trang thiết bị y tế, thực phẩm dinh dưỡng y tế và sữa cho trẻ

nhỏ. Hạn chế phân luồng đỏ trong thời gian giãn cách xã hội. Có quy định và hướng dẫn rõ, và đưa ra định nghĩa phân biệt cụ thể giữa những vi phạm trong hải quan: những vi phạm trọng yếu, những sai khác trọng yếu trong hồ sơ hải quan; và những vi phạm mang tính hành chính, lỗi đánh máy, thay đổi không trọng yếu giữa hồ sơ hải quan và thực tế hàng hóa. Ban hành quy định và hướng dẫn rõ ràng về việc kiểm hóa đối với các hàng hóa có điều kiện bảo quản đặc thù, đặc biệt là các sản phẩm cần được bảo quản ở nhiệt độ thấp.

- Bổ sung, nâng cao mức hỗ trợ cho người lao động, người sử dụng lao động trong các ngành sản xuất trọng điểm (gồm các ngành điện tử, dệt may, da giày, cơ khí, ô tô, chế biến đồ gỗ, công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông sản, thực phẩm và ngành thép) nhằm giảm tối đa tỷ lệ lao động chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh, bảo đảm nguồn cung lao động để phục hồi sản xuất.

- Các lĩnh vực công nghệ cao, cần rất ít chuyên gia (<10 người/lĩnh vực/tỉnh) nhưng tầm quan trọng rất lớn với kinh tế-xã hội có thể được làm việc 100% nếu lãnh đạo cấp bộ hoặc tỉnh phê duyệt.

- Tổng công ty đường sắt Việt Nam kiến nghị cung cấp một gói hỗ trợ khẩn cấp cho Tổng công ty là 800 tỷ đồng bằng hình thức vay ưu đãi không tính lãi để bổ sung cho nguồn vốn lưu động tránh khỏi nguy cơ dừng hoạt động; đồng thời xem xét miễn, giảm, giãn thời gian thu tiền thuê sử dụng đất cho các doanh nghiệp vận tải đường sắt năm 2021.

- Tổng công ty Hàng không Việt Nam (VNA) kiến nghị xem xét trường hợp đặc biệt của đơn vị, được duy trì niêm yết cổ phiếu trên HOSE trong giai đoạn ngắn có thể bị âm vốn chủ sở hữu; cho chủ trương xây dựng gói giải pháp hỗ trợ tiếp theo cho VNA cùng với Đề án tái cơ cấu tổng thể VNA; cho phép VNA sớm mở lại đường bay quốc tế đi/đến các quốc gia được coi là an toàn với Covid-19; áp dụng chính sách Hộ chiếu vắc-xin đối với các du khách đã tiêm phòng đầy đủ vắc-xin Covid-19 nhằm tạo điều kiện cho hoạt động giao thương và góp phần hồi phục kinh tế.

3. Các giải pháp hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh, thích ứng với trạng thái “bình thường mới” trong trung và dài hạn

Để tái khởi động nền kinh tế, ngoài chú trọng đối tượng doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng, còn cần lưu ý các chính sách hỗ trợ phù hợp với đối tượng là hộ kinh doanh cá thể, các doanh nghiệp nhỏ

và siêu nhỏ. Các đối tượng này bị tác động mạnh từ các biện pháp siết chặt phòng chống dịch, khả năng tự phục hồi kém nhưng lại đóng góp một phần quan trọng trong giảm tải áp lực an sinh xã hội, là một trong những động lực kích cầu trong tương lai.

Đồng thời, để hoạt động sản xuất kinh doanh được tái khởi động và nhanh chóng tăng tốc, các quy định về phòng chống dịch cũng như lộ trình nói lỏng giãn cách, mở cửa trở lại cần có sự phối hợp, thống nhất giữa các địa phương nhằm đảm bảo phục hồi và ổn định chuỗi cung ứng, doanh nghiệp chủ động lên phương án sản xuất kinh doanh phù hợp, giảm thiểu rủi ro về đứt gãy nguồn cung, không đảm bảo tiến độ đơn hàng, gây thiệt hại lớn cho doanh nghiệp.

Về trung và dài hạn, bên cạnh việc song song thực hiện các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, tín dụng, các chính sách mang tính tái cấu trúc, hướng tới phát triển bền vững cũng cần được xây dựng ngay từ bây giờ. Cụ thể:

(1) Chính phủ cần tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư công, phát triển cơ sở hạ tầng đảm bảo an toàn, an ninh cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; có lộ trình phục hồi kinh tế rõ ràng để hỗ trợ cho doanh nghiệp và nền kinh tế; có kịch bản sống chung dài hạn với dịch bệnh có tính khả thi và khả năng chống chịu của doanh nghiệp.

(2) Lộ trình phục hồi và phát triển kinh tế cần xác định việc ổn định và thúc đẩy sản xuất công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ làm trọng tâm, với một số chính sách như:

+ Áp dụng mô hình Bong bóng sản xuất an toàn: xây dựng nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp, khu chế xuất; xây dựng Bộ tiêu chí/Hướng dẫn tổ chức sản xuất an toàn.

+ Tăng liên kết vùng trong sản xuất phục hồi kinh tế: Đối với các vùng kinh tế trọng điểm, cần xác định một địa phương hạt nhân, có vai trò kết nối các địa phương, thống nhất một số mục tiêu, định hướng chiến lược, phương thức triển khai để tạo sự đồng bộ, hiệu quả trong thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế.

+ Xây dựng chiến lược tổng thể, dài hạn trong việc phát triển chuỗi sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt

đối với các mặt hàng Việt Nam có thể mạnh như thủy sản, nông sản, dệt may... theo hướng bớt lệ thuộc vào nguồn cung từ bên ngoài.

+ Tuyên truyền, vận động doanh nghiệp nghiên cứu tận dụng cơ hội cũng như các thách thức để cải thiện chuỗi cung ứng của Việt Nam hiện nay như xây dựng chuỗi cung ứng khép kín, áp dụng quản lý chuỗi cung ứng xanh đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, đồng thời đáp ứng được mục tiêu tăng hiệu năng dây chuyền sản xuất.

(3) Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, kết hợp cắt giảm những công trình đầu tư công chưa cần thiết để có nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp, cân đối ngân sách. Đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục đầu tư cho các dự án đang tồn đọng và các dự án mới; không để chậm trễ, tồn đọng hồ sơ. Nâng cao tinh thần, thái độ, năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ ở vị trí thực thi chính sách, phát huy tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công của các dự án chậm tiến độ sang các dự án khác có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

(4) Nâng cao khả năng tận dụng ưu đãi thuế quan FTA, khơi thông các chính sách liên quan đến quy tắc xuất xứ. Việt Nam hiện có 14 FTA đang có hiệu lực với tổng cộng 52 đối tác, trong đó có nhiều thị trường mà Việt Nam hiện có lợi thế do các đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam chưa có FTA (ví dụ EU, Liên minh kinh tế Á-Âu, Chile, Canada... chưa có FTA với phần lớn các đối thủ cạnh tranh của Việt Nam trong ASEAN, Trung Quốc). Do đó, lợi thế thuế quan theo các FTA là công cụ quan trọng để hấp dẫn các khách hàng quay trở lại đặt hàng với doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian tới. Vì vậy, đề nghị Bộ Công Thương có chương trình hành động cụ thể nhằm nâng cao khả năng tận dụng ưu đãi thuế quan FTA để xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và xử lý các vướng mắc về chính sách liên quan tới quy tắc xuất xứ trong các FTA, cụ thể:

(i) Đối với việc cấp chứng nhận xuất xứ (C/O) theo FTA:

+ Thống nhất nguyên tắc giải thích các quy tắc xuất xứ (QTXX) FTA theo hướng linh hoạt, có lợi nhất cho doanh nghiệp trong trường hợp QTXX theo cam kết chưa rõ hoặc có thể được hiểu theo các cách khác nhau (ví dụ QTXX đối với dệt may trong CPTPP);

+ Thí điểm (dạng sandbox) cho phép các doanh nghiệp lớn, đã có nhiều lô hàng xuất khẩu theo các FTA, được tự chứng nhận xuất xứ theo FTA;

+ Chấp nhận hồ sơ xin cấp C/O dạng điện tử, cho phép doanh nghiệp chứng từ giấy bản gốc (sẽ nộp khi không còn các yêu cầu kiểm soát việc đi lại).

+ Đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu trình Chính phủ quyết định triển khai cơ chế tự chứng nhận xuất xứ theo các FTA trong giai đoạn 2022-2024, cụ thể: (i) Triển khai cơ chế tự chứng nhận trong CPTPP sớm hơn thời hạn 2024-2029 mà Việt Nam bảo lưu theo cam kết; (ii) Triển khai cơ chế tự chứng nhận trong EVFTA, UKVFTA, đồng thời với có chế tự chứng nhận xuất xứ theo CPTPP.

(ii) Đối với hoạt động kết nối thị trường FTA:

+ Thành lập đường dây nóng của cơ quan thương vụ/đại diện thương mại Việt Nam ở các thị trường FTA nhằm hỗ trợ doanh nghiệp xử lý ngay các vướng mắc phát sinh liên quan tới hàng hóa tại đầu xuất khẩu (đặc biệt là các tranh chấp liên quan tới các hệ quả của các biện pháp kiểm soát dịch bệnh như hàng đến muộn, hàng không đủ số lượng...);

+ Cơ quan thương vụ/đại diện thương mại Việt Nam ở các thị trường FTA nhằm hỗ trợ doanh nghiệp xử lý ngay các vướng mắc phát sinh liên quan tới hàng hóa tại đầu xuất tác; và (ii) thông tin cập nhật, thường xuyên (ví dụ trên website của cơ quan, bằng ngôn ngữ địa phương) về tình hình kiểm soát dịch bệnh ở Việt Nam để các đối tác yên tâm.

+ Thành lập Tổ công tác về quy tắc xuất xứ FTA với nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ về quy tắc xuất xứ cho doanh nghiệp để tận dụng ưu đãi thuế quan FTA trong hoạt động XNK hàng hoá, xử lý các vướng mắc về chính sách liên quan tới quy tắc xuất xứ trong các FTA.

Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý, doanh nghiệp cần chung tay ngăn chặn các hành vi lẩn tránh bất hợp pháp biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận quy tắc xuất xứ như triển khai quyết liệt Quyết định 824/QĐ-TTg để phát triển xuất khẩu, nhập khẩu bền vững, bảo vệ lợi ích của các doanh nghiệp, người sản xuất chân chính, tăng cường phối hợp, hợp tác quốc tế.

(5) Cải thiện hạ tầng logistics cho xuất nhập khẩu, đặc biệt đối với nông thủy sản để tăng tính cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam.

Đề nghị thành lập Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về hạ tầng logistics với chức năng chủ yếu: (i) Rà soát thực tế, đề xuất để Thủ tướng Chính phủ quyết định/trình cơ quan có thẩm quyền quyết định về các biện pháp cụ thể giải quyết các vấn đề về hạ tầng logistics; (ii) Đầu mối phối hợp các Bộ ngành, địa phương triển khai các biện pháp cụ thể đã được cấp có thẩm quyền quyết định, thúc đẩy giải quyết nhanh các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai. Phạm vi ưu tiên của Tổ Công tác này cần tập trung vào: lĩnh vực hạ tầng logistics cho hoạt động xuất nhập khẩu, đặc biệt là nông sản; khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam (đồng bằng sông Cửu Long).

(6) Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư để thu hút làn sóng đầu tư chất lượng cao và đầu tư vào công nghiệp phụ trợ; nghiên cứu tận dụng làn sóng dịch chuyển với cổ phần hóa, đầu tư theo hình thức mua bán và sáp nhập (M&A); rà soát và hoàn thiện khung khổ luật pháp về môi trường; nghiên cứu hoàn thiện các quy định về dự phòng rủi ro đối với các doanh nghiệp đầu tư trong nước. Kiến nghị Chính phủ ban hành các gói chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và mở rộng đầu tư kinh doanh cho giai đoạn mới 2021-2025; các Quỹ Phát triển DNNVV và Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV cần nghiên cứu việc có những chính sách hỗ trợ DNNVV linh hoạt hơn.

(7) Xác định phát triển kinh tế số là động lực tăng trưởng của nền kinh tế, tạo cơ chế thúc đẩy thương mại điện tử (sàn giao dịch điện tử, vận tải công nghệ, chợ đầu mối trực tuyến...); hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (đào tạo nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ, tư vấn/định hướng ứng dụng công nghệ/số hoá quy trình quản trị doanh nghiệp...), tăng cường triển khai các chương trình đào tạo ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, marketing số...

(8) Thiết lập bộ quy chuẩn mới về vệ sinh an toàn thực phẩm tích hợp các tiêu chuẩn trong phòng chống dịch, có thể áp dụng về lâu dài, chứ không chỉ khi có dịch Covid-19.

(9) Thúc đẩy phát triển thị trường nội địa, thị trường nội ngành thông qua việc tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng

hàng Việt Nam” và phong trào “Hàng Việt Nam chinh phục người Việt”, đồng thời đẩy mạnh liên kết giữa các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng trong việc phối hợp tiêu thụ sản phẩm của nhau để đa dạng hóa nguồn nguyên liệu đầu vào và thị trường tiêu thụ đầu ra, giảm bớt sự phụ thuộc vào thị trường quốc tế.

Cần có các chương trình kết nối tiêu thụ và kích thích tiêu dùng trên toàn quốc (ví dụ: có thể tổ chức các hội chợ bán hàng online theo từng sản phẩm theo tuần. Có thể liên kết một số sàn TMĐT để cùng thực hiện hoạt động này). Cần có sự liên kết giữa các bộ, địa phương, hiệp hội để xây dựng những tuần lễ kết nối, tiêu thụ sản phẩm theo ngành hoặc đa ngành, kết hợp online và tập trung.

(10) Hệ thống chăm sóc sức khỏe tư nhân cần được trao quyền đầy đủ như một đối tác trong trường hợp xảy ra dịch bệnh trên quy mô lớn, gây quá tải đối với hệ thống y tế quốc gia. Việc xây dựng cơ chế phù hợp để hệ thống y tế tư nhân tham gia cùng Chính phủ là cần thiết, không chỉ trong trường hợp phòng chống dịch mà còn góp phần vào việc đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân, phát triển toàn diện và nâng cao chất lượng hệ thống y tế quốc gia.

(11) Về phía các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp:

- Xây dựng và đưa vào triển khai ứng dụng nền tảng dùng chung thông nhất các tổ chức hiệp hội doanh nghiệp, ngành nghề trong công tác tiếp nhận phản ánh của doanh nghiệp; trao đổi, phản biện, thu thập các ý kiến, đề xuất, kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp, trên cơ sở đó có thể đánh giá, rà soát định kỳ về các chính sách, chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, kịp thời phản ánh đến Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành để có các điều chỉnh, bổ sung chính sách phù hợp. VCCI hiện đang triển khai một nền tảng tương tác trực tuyến trong cộng đồng doanh nghiệp, trước mắt khởi động đối với các thành viên tham gia Hội đồng Hợp tác Doanh nghiệp ứng phó Covid-19.

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng để tổ chức tiêm chủng cho người lao động; tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định về phòng chống dịch của Bộ Y tế, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Chia sẻ gánh nặng về chi phí phòng dịch và tiêm chủng với Chính phủ.

- Các hiệp hội doanh nghiệp tiếp tục chủ động tìm nguồn cung vắc-xin hoặc công nghệ sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19, đặc biệt là

thông qua sự ủng hộ và hỗ trợ từ các khách hàng/nhân hàng đối tác nước ngoài để đưa về Việt Nam; nghiên cứu và phổ biến các bài học kinh nghiệm, thực hành tốt trong duy trì sản xuất và phòng chống dịch bệnh, phù hợp với ngành hàng của mình cho các DN thành viên; nghiên cứu triển khai các phương thức tổ chức sản xuất an toàn không chỉ ở một vài DN mà trong toàn chuỗi cung ứng.

- Doanh nghiệp chủ động xây dựng chiến lược với tầm nhìn dài hạn hơn, có kế hoạch phát triển hậu đại dịch như tái cấu trúc doanh nghiệp, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, có phương án giữ chân người lao động và đào tạo nguồn nhân lực. Tăng cường đối thoại xã hội, coi trọng sự tham gia và vai trò của công đoàn và người lao động trong giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tác động của đại dịch Covid-19 đến doanh nghiệp và một số đề xuất, kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp về các chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh, thích ứng với trạng thái “bình thường mới”./.